



SINCE 1989

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

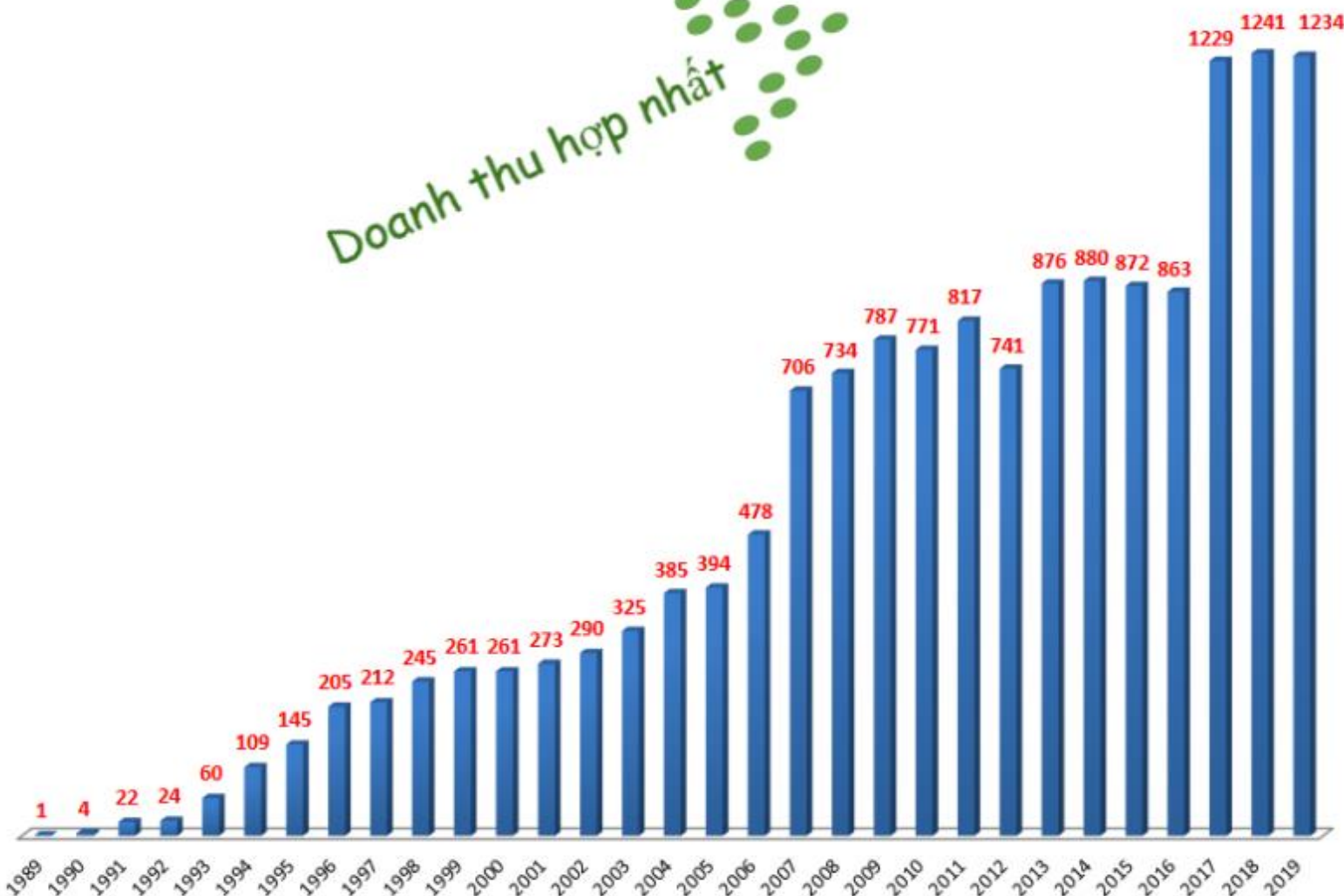


SPC Xanh, Thêm Xanh



SPC Xanh, Thêm Xanh

Doanh thu hợp nhất



NỘI DUNG



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát	07
Lịch sử hình thành và phát triển	09
Phạm vi và mạng lưới	17
Cơ cấu sản phẩm	25
Mục tiêu, chiến lược	29
Phân tích SWOT	31



TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu quản trị	37
Thành viên Hội đồng quản trị	41
Thành viên Ban kiểm soát	43
Ban Giám đốc, kế toán trưởng	45
Cơ cấu cổ đông	51
Tình hình tài chính	53



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	59
Báo cáo của Ban Điều Hành	67
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	77



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo Kiểm toán độc lập	93
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	95
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	97
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	98
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	100

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Khái quát; Ngành nghề; Quá trình hình thành và phát triển; Mạng lưới; Sản phẩm; Tâm nhìn, sứ mạng; Mục tiêu, chiến lược



Xí nghiệp Sản xuất thuốc Bảo vệ thực vật Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước



Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300632232 do Sở KHĐT TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/05/2015
 Vốn điều lệ: 105.300.000.000 đồng
 Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 105.300.000.000 đồng
 Địa chỉ: KP.1, Nguyễn Văn Quý, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM
 Số điện thoại: 028.38733666
 Số fax: 028.38733391 - 028.38733033
 Website: www.spchcmc.vn
 Mã cổ phiếu : SPC



2019



Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, gia công, mua bán, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật
 Sản xuất, gia công, mua bán phân bón, giống cây trồng
 Kinh doanh thuốc thú y
 Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính chất độc hại mạnh)
 Dịch vụ tư vấn về trồng trọt
 Dịch vụ xông hơi khử trùng
 Dịch vụ xử lý chất thải, phân tích mẫu hóa chất
 Đầu tư nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp và kỹ thuật phát triển máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp



30 NĂM

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn



1997

Chuyển thành Xí nghiệp thuốc trừ sâu Sài Gòn: bắt đầu hoạt động như một đơn vị kinh tế hạch toán độc lập

1993

1994



Trở thành Công ty Thuốc Trừ Sâu Saigon, tên giao dịch tiếng Anh là Saigon Pesticide Company. Biểu trưng SPC bắt đầu được sử dụng

Đối tên thành: Công ty TNHH 1 Thành viên BVTV Sài Gòn

2004



Đầu tư thành lập Công ty Nông nghiệp Saigon-Pakse tại Champasak, Lào

2006



Mở văn phòng chi nhánh tại Campuchia



2005

Đầu tư thành lập: Xí nghiệp Thuốc Bảo vệ Thực vật Saigon tại KCN Hiệp Phước



2007

2008



09/6/2008, Đại hội cổ đông lần đầu
14/6/2008 Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Saigon chính thức hoạt động theo mô hình mới

Đăng ký giao dịch UPCOM
2010

2011

Tăng vốn thành công lên 105,3 tỉ đồng

2017

Thành lập Chi nhánh Myanmar



15/3/2019



Kỷ niệm 30 năm thành lập

NHỮNG GHI NHẬN

- Huân chương Lao động hạng II của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 11/02/2004 về "thành tích xuất sắc trong công tác từ 1998 - 2002 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Huân chương Lao động hạng III của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 12/8/1997 về "Thành tích xuất sắc trong công tác từ 1992 - 1996 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Biểu trưng "SPC" liên tục được bình chọn Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao từ năm 2005 đến nay.
- Chứng nhận của tổ chức Quacert và BVQI công nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2015 và ISO IEC 17025 từ năm 2001 cho đến nay.
- Chứng nhận ISO 14001 : 2004

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY QUA 30 NĂM 15/3/1989 – 15/3/2019

Ngày 15/3/1989, ngày viên gạch đầu tiên đặt nền móng để xây dựng Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn - nay là Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - SPC.

Khi mới thành lập, Công ty chỉ sản xuất và phân phối 3 sản phẩm, với đội ngũ CB-NV là 30 người. Qua 30 năm hình thành và phát triển, đến nay Công ty đã có trên 500 cán bộ công nhân viên; quy mô hoạt động với 16 Chi nhánh trong nước, 3 Công ty con ở nước ngoài; nhà máy rộng 4,3 ha tại Hiệp Phước được trang bị máy móc thiết bị hiện đại, hệ thống quản lý môi trường đạt tiêu chuẩn ISO 14001; hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001 liên tục từ năm 1999 đến nay.



Khởi công xây dựng nhà máy

Công ty đã hợp tác nhiều đối tác kinh doanh uy tín trên thế giới như KVF, LG Chem (Hàn Quốc); Haifa (Israel); Nongfeng (Trung Quốc), Agria (Bungari)... Đến nay, bộ sản phẩm của Công ty đã có trên 100 chủng loại, hệ thống phân phối rộng khắp toàn quốc và một số nước lân cận; doanh thu của Công ty hiện đạt trên 1.000 tỷ đồng/năm, là một trong những công ty có thị phần về thuốc bảo vệ thực vật lớn nhất Việt Nam, đã góp phần tích cực cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp nước nhà.

Ba mươi năm đi qua với biết bao thăng trầm và mỗi giai đoạn lịch sử, Công ty đều gặp những khó khăn, thách thức riêng, nhưng với sự góp sức của bao thế hệ cán bộ công nhân viên, Công ty đã vượt qua tất cả, đứng vững đến ngày hôm nay và khẳng định vị thế của mình.

Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2000: Thành lập Nhà máy và tách ra hoạt động độc lập.

Giai đoạn vừa thành lập, cơ sở vật chất còn đơn sơ, bộ máy tổ chức còn tối giản nhưng với lòng nhiệt huyết của toàn thể CB-CNV, sự định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo, sản phẩm của Công ty đã được thị trường đón nhận tích cực, thương hiệu SPC đã bắt đầu lan tỏa.

Ngày 18/02/1993, thực hiện Quyết định số 68/QĐ-UB của UBND TP.HCM, Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn được chuyển thành DNNN Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn, trực thuộc UBND TP.HCM. Xí nghiệp bắt đầu hoạt động hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và tách khỏi Chi cục Bảo vệ Thực vật TP.HCM. Đây là bước chuyển biến mạnh mẽ của Nhà máy để thực hiện tự lập về mọi mặt.



Trụ sở Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn

Mặc dù mới “ra ở riêng” nhưng Nhà máy đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình về sự nghiệp phát triển trong tương lai. Ngày 22/04/1994, theo quyết định số 1177/QĐ-UB-NC của UBND TP.HCM, Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn chính thức trở thành Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Thời gian này, Công ty đã thành lập chi nhánh đầu tiên tại Hà Nội. Việc ra đời chi nhánh, bước đầu đã thể hiện sự lớn mạnh của Công ty.

Và năm 1997, thực hiện việc sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn đã trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn. Công ty tiếp tục phải thực hiện các thủ tục thay đổi và áp dụng cơ chế làm việc mới. Tuy nhiên, các hoạt động của Công ty vẫn phát triển không ngừng.



Lực lượng công nhân Nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn những ngày đầu

Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010: Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, thực hiện cổ phần hóa.

Thực hiện chủ trương chung của Nhà nước, ngày 09/2/2004, theo quyết định số 482/QĐ-UB của UBND TP.HCM, DNNN Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn được chuyển đổi thành Công ty TNHH 1 TV Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Tiếp theo, ngày 30/06/2004, theo quyết định số 3131/QĐ-UB của UBND TP.HCM. Công ty TNHH 1 TV Thuốc trừ sâu Sài Gòn đã đổi tên thành Công ty TNHH 1 Thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn để phù hợp với hoạt động của Công ty.

Và ngày 27/12/2007, theo Quyết định số 5698/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Ngày 09/6/2008, Đại hội cổ đông lần đầu của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được tổ chức, đã thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động, bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và phương án hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn chính thức hoạt động theo mô hình mới kể từ ngày 14/6/2008.

Đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất của Công ty về quy mô hoạt động và mạng lưới kinh doanh. Ngoài việc thành lập 2 công ty con tại Lào và Campuchia, 15 chi nhánh tại khắp các vùng nông nghiệp trên cả nước lần lượt ra đời; Và theo quy hoạch của Thành phố Công ty đã thực hiện di dời và đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc trên khuôn viên rộng 4,3 héc ta tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP.HCM, và từ đó bộ phận sản xuất chính thức mang tên Xí nghiệp Bảo vệ thực vật Sài Gòn.



Trụ sở Xí nghiệp Bảo vệ Thực Vật Sài Gòn

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay: Vững bước tiến lên

Sau cổ phần hóa năm 2008, mặc dù nền tảng Công ty đã khá ổn định, thương hiệu của Công ty đã được thị trường đón nhận, song hoạt động của Công ty gặp không ít khó khăn. Giai đoạn này, Công ty vừa phải tự điều chỉnh các hoạt động, nguồn vốn để thích nghi với cơ chế mới, Công ty phải đối đầu với các thủ thách trên thị trường như cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 dẫn đến suy thoái nền kinh tế, đặc biệt là khu vực Châu Á đã kéo dài nhiều năm làm tỉ giá biến động thất thường; giá cả nguyên liệu nhập khẩu leo thang,...

Để vượt qua khó khăn chung của ngành thuốc bảo vệ thực vật, Công ty đã thực hiện chiến lược đầu tư sang lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu ngành hàng sang kinh doanh hạt giống bắp. Tuy nhiên, "mưa không thuận" và "gió không hòa", hầu hết các chiến lược này của Công ty bị thất bại. Đồng thời, giai đoạn này tình hình nhân sự của Công ty bị khủng hoảng trầm trọng. Công ty tưởng như bị "lung lay" bởi khó khăn chống chất khó khăn. Tuy nhiên, toàn thể CBCNV Công ty đã đoàn kết một lòng để vượt qua, quyết tâm giữ vững mọi hoạt động, kịp thời xử lý các tồn tại và tập trung sâu hơn vào lĩnh vực kinh doanh chính là thuốc bảo vệ thực vật; Đến năm 2010, doanh thu của Công ty đã đạt mức 700 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 25 tỷ đồng.

Năm 2014, Công ty tiếp tục thành lập 1 văn phòng đại diện và 3 chi nhánh trong nước; và qua thời gian thăm dò thị trường đến năm 2017 Công ty chính thức thành lập Chi nhánh tại Liên bang Myanmar.

Năm 2016, Cục Bảo vệ Thực vật thông báo loại bỏ một số hoạt chất ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty đã mở ngành hàng kinh doanh phân bón, nông sản, nước uống đóng chai, tăng cường đầu tư vốn vào Công ty liên kết; đến tháng 1/2018 Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa chính thức trở thành công ty con của Công ty, và từ tháng 12/2018 Công Ty đã được Chi cục Bảo vệ Trồng Trọt Tp.HCM cho phép đủ điều kiện được tổ chức sản xuất phân bón vô cơ tại Xí nghiệp Hiệp Phước.

Qua 30 năm Công ty đã không ngừng lớn mạnh mở rộng và phát triển mọi mặt, sản phẩm của Công ty đã có mặt khắp các thị trường trong nước và thị trường nước ngoài như Campuchia, Lào, Myanma... Và tương lai không xa các sản phẩm của Công ty sẽ vươn tới thị trường các nước trong và ngoài khu vực Đông Nam Á. Có được kết quả như ngày hôm nay, Công ty ghi nhận và luôn biết ơn công sức của các thế hệ cán bộ, công nhân viên người lao động đã gắn bó cả tuổi thanh xuân, cống hiến hết mình và cả đời mình cho sự nghiệp 30 năm vững bước tiến lên của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

30
15.11.1989 - 15.11.2019
Vững bước tiến lên

Chất lượng tạo nên Thương hiệu vững bền!

SINCE 1989

ISO 9001:2015
HACCP-MSA
ISO 14001:2015
GIC
ISO 14001:2004

COMDA
AQUINPHOS 40EC
SK EnSproy 99E
fosfix
ANCHOR GOLD
BÉ BỤI

Pylacoi
Mangozeb
TRNO-601
TRNO-606
SPC-K

15-15-15
16-16-8+13S
17-7-17+TE
20-20-15+TE

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
ĐI MỘT TẾU ĐỒNG SẴNG CHỌN

PHẠM VI VÀ MẠNG LƯỚI





CHI NHÁNH HÀ NỘI

BB2-27 Khu Đô Thị Mới Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: (024) 3 2009401



VĂN PHÒNG SƠN LA

Khu Đô thị Cơ Khí, Tổ 05, Phường Chuyển Sinh, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La. Điện thoại: (0212) 3 789897



CHI NHÁNH NGHỆ AN

Tầng 2 tòa nhà Mai Linh, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Xã Nghi Phú, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An. Điện thoại: (0238) 3 594856



CHI NHÁNH ĐỒNG NAI
Số 4738, Quốc Lộ 1A, Ấp Nông Doanh,
Xã Xuân Định,
Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại: (0251) 3 715648



CHI NHÁNH ĐẮK LẮK
Số 12A, Đường Mai Xuân Thưởng,
P. Thành Nhất, TP. Buôn Mê Thuộc,
Tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại: (0262) 3 958101



CHI NHÁNH VĨNH LONG
Số 29B/02 Ấp Long Hưng,
Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ,
Tỉnh Vĩnh Long.
Điện thoại: (0270) 3 878871



CHI NHÁNH CẦN THƠ
Lô 30A 5 - Khu công nghiệp
Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy,
TP. Cần Thơ.
Điện thoại: (0292) 3 835074

CHI NHÁNH TRẠM DỊCH VỤ
Số 22E Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại: (028) 6 2943348



CÔNG TY CỔ PHẦN BVTV SÀI GÒN TẠI CAMPUCHIA
225GB, St.Vithyalay, Sk. Chrouy Changwa, Kh. Russeykeo, Phnom Penh.
Điện thoại: (+855) 23 427 224 - Fax: (+855) 23 427 224



Cán bộ SPC Cambodia



Lễ ra mắt sản phẩm mới

Vững bước tiến lên



CÔNG TY TNHH BVTV SÀI GÒN TẠI LÀO
Km 21, Street 13, Ban Phatthanahoase, Bachieng District,
ChamPaSak Province, Lao P. D.R



Lãnh đạo Tỉnh Champasak và Huyện Bachieng
tham quan khu trưng bày giới thiệu sản phẩm tại Trung tâm
Thương mại sản xuất Nông nghiệp Bachieng – SPC Lào



Vững bước tiến lên



CHI NHÁNH CÔNG TY BTVT SÀI GÒN TẠI MYANMAR
No H101, FMI city, Hlaing Thar Yar township, Yangon, Myanmar



Chủ tịch HĐQT Phát biểu khai mạc tại Lễ ra mắt Chi nhánh Myanmar

XÍ NGHIỆP BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
Lô C1-C3 KCN. Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
Điện thoại: (028) 3 8734089 - Fax: (028) 3 8734090



CB-CNV Xí Nghiệp BTVT Sài Gòn



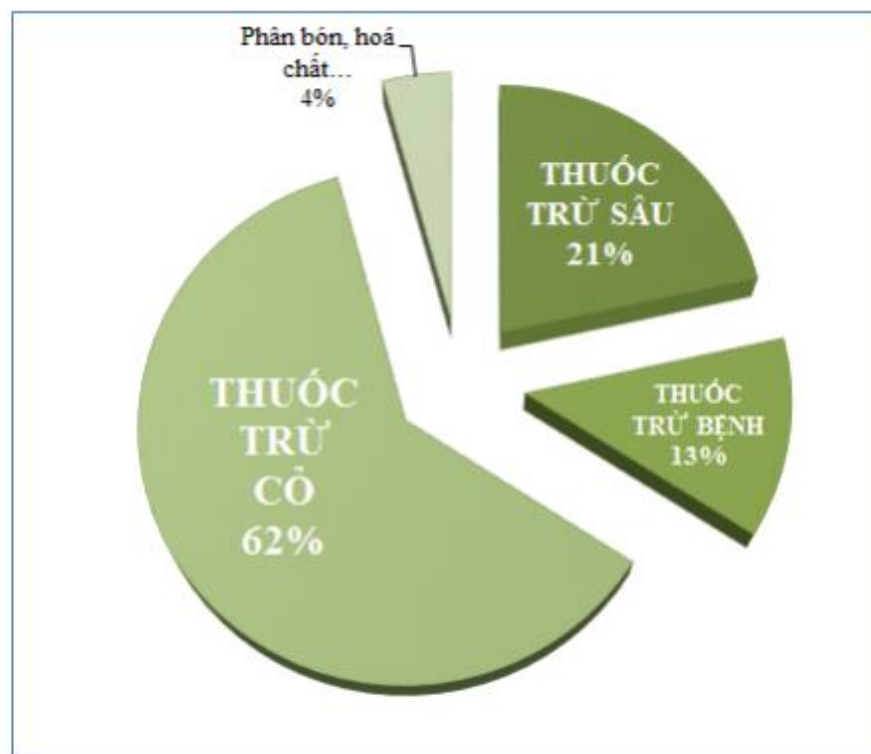
Vững bước tiến lên



Vững bước tiến lên



CƠ CẤU SẢN PHẨM CỐT LÕI NĂM 2019



Thuốc trừ bệnh:

Là nhóm sản phẩm phụ thuộc vào tình hình thời tiết nhất, theo đó doanh số cũng chuyển biến theo tình hình dịch bệnh trong năm. Trong năm 2018, doanh số nhóm thuốc trừ bệnh chỉ chiếm khoảng 13%.



Thuốc trừ cỏ: do thị trường thuốc trừ cỏ tương đối ổn định, ít phụ thuộc vào yếu tố thời tiết nên cũng như một số công ty khác trong ngành thì nhóm thuốc trừ cỏ của SPC chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm của Công ty với 62%.

Thuốc trừ cỏ lúa



Thuốc trừ cỏ cạn



Thuốc trừ sâu: không như nhóm thuốc cỏ, nhóm sản phẩm thuốc trừ sâu này phụ thuộc khá nhiều vào tình hình thời tiết, doanh số nhóm thuốc trừ sâu chiếm khoảng 21%.



VĂN HÓA CÔNG TY



TẦM NHÌN

Trở thành Công ty dịch vụ nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu - Nơi tiên phong ứng dụng các phát minh và công nghệ mới.

SỨ MẠNG

Cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững.

Thành tựu

Sự thỏa mãn khách hàng, người lao động, cộng đồng, và các cổ đông là cơ sở của việc đánh giá những thành tựu của chúng tôi.

Chúng tôi luôn biết trân trọng những thành tựu của mình và niềm vinh dự, tự hào của chúng tôi đến từ những thành tựu của chúng tôi. Thông qua những thành tựu, chúng tôi được nhận biết, được tôn trọng bởi các đối tác, bởi cộng đồng, và các cổ đông.

Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.

Đồng đội

Làm việc đồng đội là cách thức để chúng tôi thỏa mãn tốt các nhu cầu và mong đợi của khách hàng của chúng tôi.

Chúng tôi làm việc đồng đội trong từng đơn vị, giữa các đơn vị, với các đối tác bên ngoài, và với khách hàng của chúng tôi để thực hiện với chất lượng cao nhất những cam kết của chúng tôi.

Không có người chiến thắng trong đội thất bại, và cũng sẽ không có người thất bại trong đội thành công.

Chúng tôi là một gia đình lớn trong đó các thành viên tin cậy, tôn trọng, và chăm sóc lẫn nhau.

Chúng tôi nuôi dưỡng những ước mơ, khát vọng, và những đam mê về một nền nông nghiệp xanh và bền vững, và những giá trị gia tăng ngày càng cao cho những khách hàng của chúng tôi.

Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Mỗi người chúng tôi thường xuyên học tập và phát triển để hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và những đam mê của chúng tôi.

Thông qua học tập, nghiên cứu, và phát triển, chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Chuyên nghiệp

Chuyên nghiệp thể hiện ở chất lượng công việc cao. Tính chuyên nghiệp đòi hỏi trách nhiệm cá nhân, sự dẫn thân, và những phương pháp làm việc hiệu quả.

Chúng tôi luôn tận tâm cao với công việc và với đồng sự với một ý chí vượt qua mọi thách thức. Hành động của mỗi người chúng tôi luôn thể hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp cao.

Chúng tôi chịu trách nhiệm với những kết quả làm việc của mình. Chúng tôi luôn kiên trì và làm việc hết mình để thực hiện tốt những cam kết nhằm thỏa mãn những nhu cầu và mong muốn của khách hàng.

Chúng tôi mở rộng tự chủ để đảm bảo sử dụng các nguồn lực với hiệu suất cao nhất cho việc thực hiện tốt các công việc và những cam kết với khách hàng. Các thành viên trong toàn công ty được trao quyền để tự do làm những điều đúng.

Đổi mới

Liên tục hoàn thiện, phát triển, và đổi mới là cách thức để chúng tôi hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và đam mê của mình. Chúng tôi luôn cố gắng học tập, nghiên cứu, và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC

1. Tạo sự gắn bó, trung thành của khách hàng

- Duy trì và thâm thấu sâu vào thị trường hiện tại: tạo ra sự thỏa mãn và sự trung thành của khách hàng với Công ty
- Sử dụng danh tiếng và sức mạnh của hệ thống hiện tại mở rộng sang những thị trường mới
- Phát triển các chiến lược phát triển Thị trường-Sản phẩm phù hợp với từng thị trường trong từng giai đoạn

2. Phản ứng nhanh với thông tin và thị trường

- Phát triển hệ thống hoạch định, dự báo và thông tin thị trường, cạnh tranh: về sản xuất, sản phẩm, nguyên vật liệu, và khách hàng
- Theo dõi chặt chẽ những biến động của môi trường kinh doanh

3. Nâng cao năng lực sản xuất và kinh doanh

- Đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất
- Phát triển ứng dụng các sản phẩm của công ty trên cơ sở khai thác những khả năng quan hệ hợp tác với các đối tác để chuyển giao công nghệ
- Phát huy tối đa hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực cho các nhu cầu phát triển
- Xây dựng và phát triển các liên minh chiến lược cho sự phát triển bền vững và cùng có lợi

4. Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý

- Phát huy tính năng động sáng tạo của toàn thể hệ thống
- Xây dựng cơ chế hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị và các cá nhân
- Xây dựng hệ thống mở, huy động tốt nguồn lực trong công ty và xã hội
- Tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực sẵn có của công ty và khai thác có hiệu quả các nguồn vốn trong xã hội cho sự phát triển của công ty
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

ĐỐI TÁC CỦA SPC



PHÂN TÍCH SWOT



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỔ ĐÔNG



LÃNH ĐẠO CÔNG TY GIAI ĐOẠN 1989 ĐẾN NAY

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH GIAI ĐOẠN 1989 ĐẾN NAY

- 1) Ông: Nguyễn Văn Nữa
Quyển Giám đốc nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn - Giai đoạn 1989 - 1992
- 2) Bà: Lê Thị Bích Liễu
Giám đốc Xí nghiệp thuốc trừ sâu Sài Gòn - Giai đoạn 1992 - 1999
- 3) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng
Giám đốc Công ty thuốc trừ sâu Sài Gòn - Giai đoạn 1999 - 2010
- 4) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh
Giám đốc Công ty TNHH 1 TV BVTV Sài Gòn - Giai đoạn 2010 - 2015
- 5) Ông: Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc Công ty cổ phần BVTV Sài Gòn - Giai đoạn 2015 đến nay

PHÓ GIÁM ĐỐC GIAI ĐOẠN 1992 ĐẾN NAY

- 1) Ông: Nguyễn Văn Nữa
PGĐ phụ trách sản xuất - Giai đoạn 1992 - 1998
- 2) Ông: Bùi Văn Thống
PGĐ phụ trách sản xuất - Giai đoạn 1998 - 2007
- 3) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng
Phó giám đốc - Giai đoạn 2008 - 2011
- 4) Ông: Nguyễn Xuân Tiến
PGĐ phụ trách đầu tư - Giai đoạn 2000 - 2015
- 5) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh
PGĐ thường trực, phụ trách tài chính - Giai đoạn 2008 - 2010



PHÓ GIÁM ĐỐC GIAI ĐOẠN 1992 ĐẾN NAY

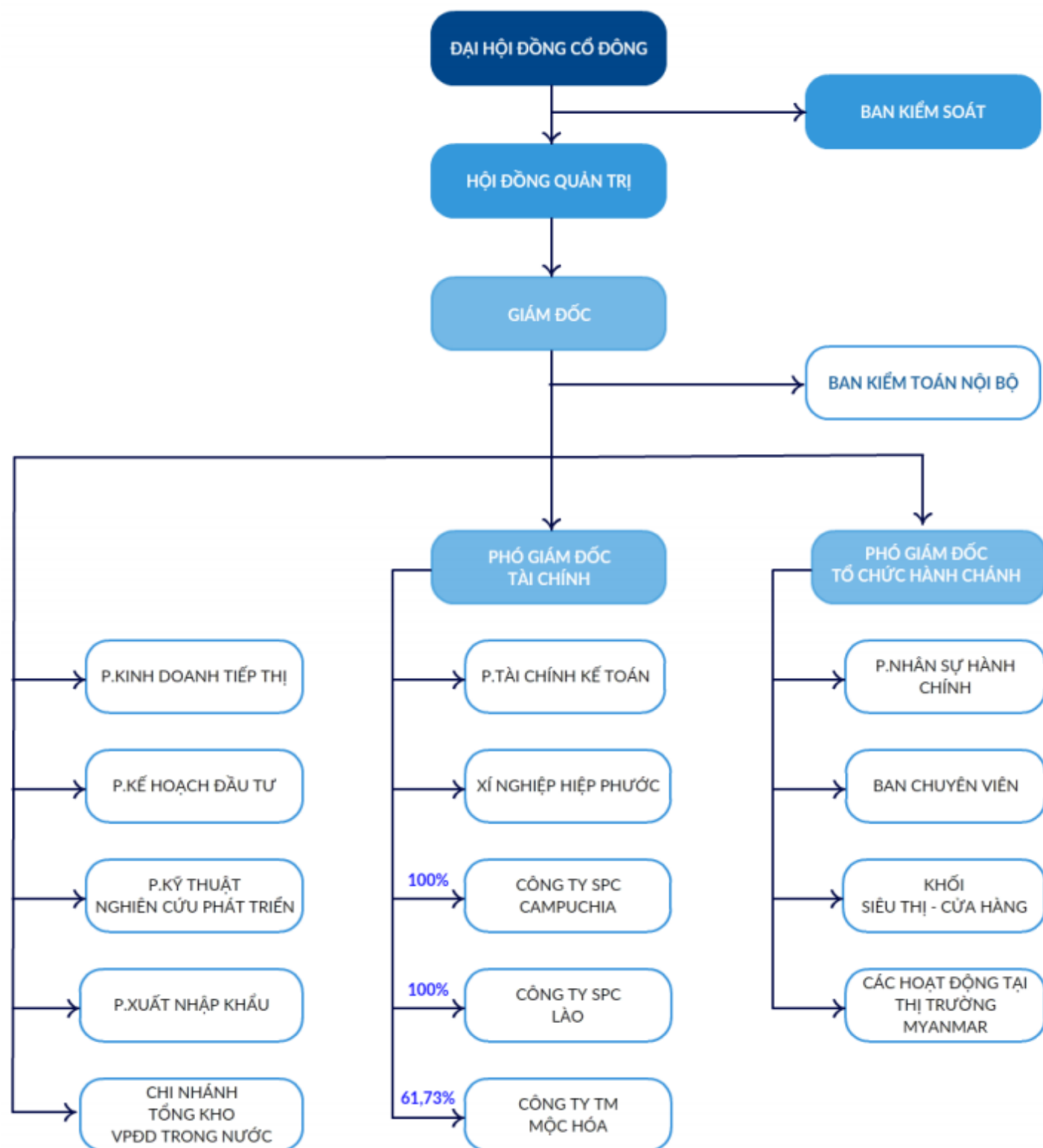
- 6) Ông: Yeo Joo Hua
PGĐ kinh doanh nước ngoài - Giai đoạn 2004 - 2011
- 7) Ông: Nguyễn Quốc Dũng
PGĐ kinh doanh trong nước - Giai đoạn 2009 - 2015
- 8) Ông: Hà Quốc Cường
PGĐ phụ trách khối sản xuất và nông trại - Giai đoạn 2012 - 2015
- 9) Bà: Nguyễn Ngọc Bích
Phó giám đốc - Giai đoạn 2013 đến nay
- 10) Ông: Điều Quang Trung
Phó giám đốc - Giai đoạn 2015 đến nay

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
GIAI ĐOẠN 2008 ĐẾN NAY

- 1) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng - CT HĐQT -
Giai đoạn 2008 - 2011
- 2) Bà: Phó Nam Phương - CT HĐQT - Giai đoạn 2011 - 2012
- 3) Ông: Dương Minh Quang - CT HĐQT - Giai đoạn 2012 - 2015
- 4) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh - CT HĐQT - Giai đoạn 2015 - 2016
- 5) Bà: Lê Thị Phương - CT HĐQT - Giai đoạn 2017 đến nay



CƠ CẤU QUẢN TRỊ



Công ty con, liên kết	Địa chỉ	HDKD chính	VDL thực góp
Công ty TNHH BVTV Sài Gòn - Lào	Km 8 street 13, Ban Phatthanahoase, Bachieng District, ChamPaSak Province, Lao PRD	Kinh doanh ngành nông nghiệp	19.332.237.752 đ
CTCP BVTV Sài Gòn - Cambodia	225GB, St.Vithyalay, Sk. Chrouy Changwa, Kh. Russeykeo, Phnom Penh.	Kinh doanh ngành nông nghiệp	1.895.355.000 đ
CTCP Thương mại Mộc Hóa	96 Trần Hưng Đạo, KP1, P1, thị xã Kiến Tường, Long An	Kinh doanh ngành nông nghiệp	9.856.800.000 đ



Văn phòng SPC
KPI, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Q.7, TP.HCM

Các phòng ban Công ty



Phòng Nhân Sự
Hành Chính



Phòng Tài Chính
Kế Toán



Phòng Kỹ Thuật
Nghiên Cứu Phát Triển



Phòng Kinh Doanh Tiếp Thị



Phòng Kế Hoạch Đầu Tư



Phòng Xuất Nhập Khẩu



Ban Kiểm Toán Nội Bộ

Vững bước



Vững bước tiến lên



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ LÊ THỊ PHƯỢNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cao cấp chính trị.

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: chủ tịch HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 1988-1989: Kế toán XNQD Nhựa Cao su Việt Hưng
- 1/1990-6/1990: Kế toán HTX May Hoàng Thịnh
- 8/1990-3/1994: Kế toán tổng hợp Cty Sài Gòn Lao động
- 4/1995-3/1999: NV văn thư vi tính văn phòng cơ quan LĐLĐ.TP
- 1/1995-3/1999: Kế toán tổng hợp Ban tài chính – Kinh tế LĐLĐ.TP
- 3/1999-9/2004: Kế toán trưởng Ban tài chính – Kinh tế LĐLĐ.TP
- 9/2004-10/2010: Phó ban tài chính – kiêm kế toán trưởng LĐLĐ.TP
- 11/2010-10/2014: UV Ban thường vụ -Trưởng Ban Tài chính LĐLĐ.TP
- 11/2014-01/2017: Phụ trách chung Kiểm soát viên Sagri
- Từ 08/02/2017: Thành viên HĐQT SPC
- Chủ tịch HĐQT SPC từ 20/02/2017

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật – Luật sư thuộc đoàn Luật sư TP.HCM, Cao cấp Lý luận chính trị.

Học hàm: Phó Giáo sư

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: NV Kinh doanh Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2001 - 2003: Phó, quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2003-2004: Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004- 2005: Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005- 2007: Phó Phòng KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn
- 2007-6/2008: Phó P.KHKD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 6/2008-10/2008: Phó P. KHKD SPC.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng Phòng KH KD CTCP BVTV Sài Gòn.
- 09/2009-04/2015: PGĐ KD SPC.
- 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ NGUYỄN THỊ THÚY
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC, Kế toán trưởng TCT Nông Nghiệp Sài Gòn

Quá trình công tác:

- 1990 - 1993: Kế Toán XN SX quả bóng bàn, Công ty XNK hàng công nghiệp.
- 1994 - 1997: Kế toán Trưởng TNHH Hoa Danh, Liên doanh Việt Lãng.
- 1998 - 2000: CV Kế toán Thương xá Tax thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2001 - 2007: Phó phòng Kế toán Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2007 - 2008: Cửa hàng Phó Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2008 - 2011: Cửa hàng Trưởng Siêu thị Bàu Cát, Siêu thị Sài Gòn
- 2011 - 2014: Phó Giám Đốc Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2014 - 2015: Phó Giám Đốc Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải thuộc TCT TM Sài Gòn
- Từ 2015: Kế toán trưởng Sagri
- Từ 24/4/2015: Thành viên Hội đồng quản trị SPC

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐẶNG THANH CƯỜNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp, Cao cấp chính trị

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- Từ năm 1979 đến 1985 : CV Trung tâm BVTV phía nam Tiền Giang.
- 1985 – 2015: công tác tại Công ty cổ phần Nông dược H.A.I.
- Từ 26/04/2013: thành viên HĐQT CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN NHẬT THÔNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 22.100

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- Năm 1986: bắt đầu kinh doanh cửa hàng vật tư nông nghiệp tại gia.
- Năm 2007: phát triển hộ kinh doanh nhỏ lẻ ban đầu thành hộ kinh doanh Nhật thông cho đến hiện nay.
- Từ 08/4/2017-13/3/2020: Thành viên HĐQT SPC.

Quốc tịch: Việt Nam

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG TRẦN ĐÌNH VŨ
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn : Kế toán doanh nghiệp, chứng chỉ kế toán trưởng

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 100

Chức vụ đảm nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác :

- 07/2007-03/2009: Kế toán kho Công ty TNHH Khang Cát
- 04/2009: Kế toán CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 05/2009-08/2014: Kế toán trưởng SPC Lào
- 09/2014-12/2014: Kế toán công nợ SPC
- 01/2015-01/2016: Phụ trách kế toán Xi nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- Thành viên Ban kiểm soát SPC từ ngày 09/11/2015
- Từ 27/01/2016: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ LƯƠNG THANH HUYỀN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 1991 - 1994 NV Kế toán Công ty Dệt Đông Á
- 1995 - 2008: Kế toán trưởng CTCP Artek, Sài Gòn CTT, Viện cơ học ứng dụng
- 2008 – 6/2014: Phó phòng Kế toán CTCP Savimex
- 7/2014 – 5/2015: Phó trưởng phòng KTTC Công ty Cofidex
- 6/2015 đến nay: Phó trưởng phòng Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn
- Từ 08/4/2016 – 24/3/2020: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ MAI THỊ LỆ KHUYÊN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.600

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 1986-1989 : NV Kế toán Thống kê Công ty Xây dựng Thủy điện Trị An
- 1989-1991 : NV Kế toán Công ty Thủy sản KV3
- 1992-1995 : NV hành chính Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 1996-9/2004 : NV Thủ kho, Thủ quỹ, Kế toán Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 10/2004 – 2008 : NV Tổng hợp – Tài chính, Phòng Quảng bá, Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 2008 – 2009 : Nhân viên Tổng hợp – Tài chính Phòng Marketing SPC
- Từ Tháng 10/2009 đến Tháng 7/2012: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ SPC
- Từ Tháng 4/2010 đến Tháng 4/2015: Thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa
- Từ Tháng 6/2008 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam

BAN GIÁM ĐỐC



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Luật – Luật sư thuộc đoàn Luật sư
TP.HCM, Cao cấp Lý luận chính trị

Học hàm: Phó Giáo sư

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: TV HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: NV Kinh doanh Xi nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2001 - 2002: Phó Trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2002 - 2003: Quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2003 - 2004: Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004 - 2005: Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005 - 2007: Phó Phòng KD Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
- 2007 - 06/2008: Phó Phòng KH- KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 06/2008 – 10/2008: Phó Phòng KH - KD CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng Phòng KH- KD CTCP BVTV Sài Gòn.
- 09/2009 – 04/2015: Phó Giám đốc KD trong nước CTCP BVTV Sài Gòn.
- 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT , Giám đốc CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐIỀU QUANG TRUNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.610

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 2000 – 2003 Kế toán Tổng hợp tại Công ty CP Thủy Tinh Gò Vấp.
- 2003 – 2004 Phó phòng Tư vấn & Triển Khai Công ty Diginet.
- 2004 – 2007 Kế toán Tổng hợp Công ty SPC.
- 2007 – 2008 Phó phòng Kế toán Công ty SPC.
- 2008 – 2009 Trưởng bộ phận Kế toán Công ty SPC.
- 2009 – 2011 Phụ trách phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- 2011 - 04/2015 Trưởng phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- Từ 04/2015: Phó Giám đốc Công ty SPC.

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ NGUYỄN NGỌC BÍCH
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế QTKD

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC, phụ trách NSHC

Quá trình công tác:

- 1987 – 1994: Nhân viên LĐTL, Cty XNK Nông Lâm Hải Sản
- 1994 – 2008: Phó Phòng TCLĐTL, Cty XNK Nông Lâm Hải Sản
- 2009 – 2011: Trưởng Phòng TCLĐTL, Cty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 2011 – 12/2013: Trưởng Phòng Kinh Doanh Dịch Vụ, Cty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 12/2013 đến nay: Phó Giám Đốc Công ty Cổ Phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn phụ trách Nhân sự hành chính.

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ BÙI THỊ ÁNH TUYẾT
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn: cử nhân Tài chính kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Kế toán trưởng SPC

Quá trình công tác:

- 01/2000-06/2001: thư ký P.Kinh doanh công ty TNHH Khai Nguyên
- 07/2001-10/2001: NV tổng hợp sản xuất CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2001-07/2004: NV kế toán phải thu CTCP BVTV Sài Gòn
- 08/2004-06/2007: NV kế toán thanh toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 07/2007-06/2009: Kế toán trưởng Xi nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- 07/2009-10/2011: Trưởng bộ phận kế toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2011-05/2015: Phó phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn
- Từ 06/2015: Trưởng phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam

Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: thời gian làm việc 07 giờ 30 phút /ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Chính sách đào tạo

Liên tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới là cách thức để SPC hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng và đam mê của mình. Do đó, CBCNV của SPC luôn cố gắng học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Thông qua học tập, nghiên cứu và phát triển chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Do đó, đào tạo để phát triển là một chính sách rất được coi trọng tại SPC. Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Do đó, mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức, dù bằng hình thức tham gia các khoá học của Công ty tổ chức hay qua các lớp bên ngoài. Đào tạo tại chỗ chiếm một vai trò quan trọng và cũng được tập trung đặc biệt. Phần lớn thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức một kèm một. Khi cần thiết, chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức.

Chính sách tiền lương, thưởng

Chính sách tiền lương, thù lao, phụ cấp của SPC được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của SPC rất cạnh tranh trong ngành BVTV và nằm trong nhóm những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam. Lương và phụ cấp được trả trên căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được công ty sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

NHÂN SỰ

Đến ngày 31/12/2019, tổng số lao động của công ty là 486 người với cơ cấu lao động như sau:

Yếu tố	
Số lượng nhân viên, công nhân	486 người
Theo trình độ chuyên môn	
Tiến sỹ	03 người
Cao học, Thạc sỹ	15 người
Đại học, Cao đẳng	224 người
Trung học chuyên nghiệp	24 người
Lao động phổ thông + LD có tay nghề	220 người



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



01 Nguyên liệu, năng lượng

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

+ Thuốc BTVV và phân bón: 14.087 tấn/năm

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

+ Điện sử dụng: 701.510 KWh/năm

02 Nguồn nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng sử dụng nước:

+ Nguồn cung cấp: KCN Hiệp Phước
+ Lượng sử dụng nước trung bình 13.200 m³/năm



- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

“Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.”



01
Mừng ngày
Quốc tế
phụ nữ 8/3.



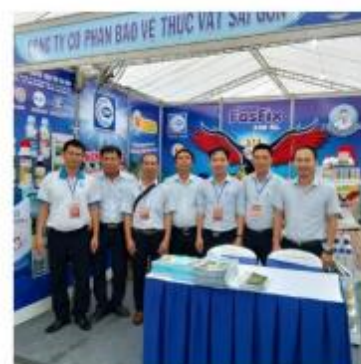
02
Kỷ niệm
30 năm
thành lập.



03
Giải đặc biệt
quay số
may mắn.



04
Sơ kết kinh
doanh quý.



05
Hội chợ
Nghệ An.



06
Tập huấn
Bác sĩ cây
trồng.



07
Diễn tập
PCCC.



08 Mừng
sinh nhật
SPC.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Chi tiết cơ cấu cổ đông tính tới ngày 16/9/2019

Danh mục	TRONG NƯỚC		NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1. Cổ đông Nhà nước	6.247.020	59,33%	0	0%	6.247.020	59,33%
2. Cổ đông khác	3,455,250	32,81%	827.730	7.86%	4.282.980	40,67%
- Cá nhân	3.144.310	29,86%	827.730	7.86%	3,972,040	37,72%
- Tổ chức	310.940	2,95%	0	0	310,940	2.95%
Tổng	9,702,270	92.14%	827.730	7.86%	10.530.000	100%



1.234

DOANH THU

Doanh thu thuần đạt 1.234 tỉ đồng, đạt 99,8% kế hoạch.

51,7

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Năm 2019 đạt 51,7 tỉ đồng, hoàn thành 104% kế hoạch.

17%

CỔ TỨC

Cổ tức bằng tiền năm 2019 dự kiến là 17%

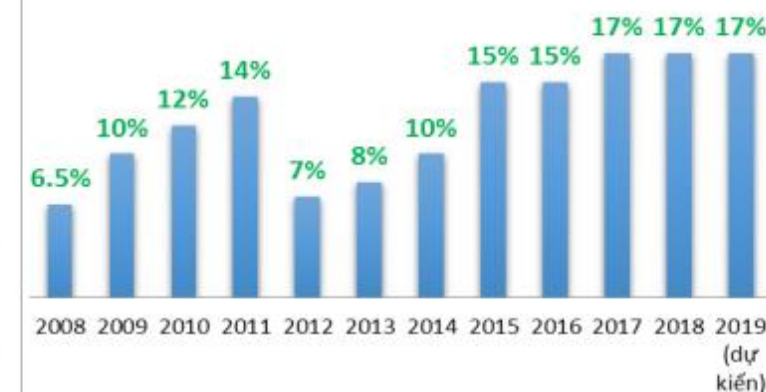


ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Chính sách cổ tức

Chúng tôi quyết định sẽ giành gần 50% lợi nhuận sau thuế năm 2019 (trình tại ĐHĐCĐ thường niên 2020) để chi cổ tức, chia sẻ lợi ích nhiều hơn cho cổ đông.

Cổ tức bằng tiền



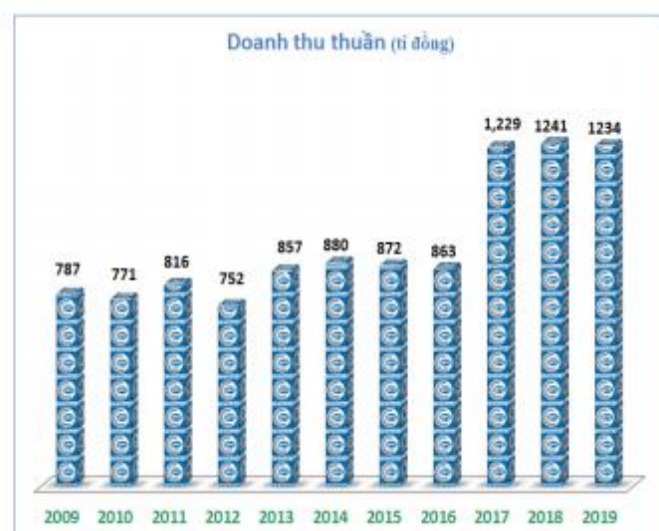
QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HOÁ

DOANH THU

TỔNG TÀI SẢN

LỢI NHUẬN

VỐN CHỦ SỞ HỮU



TỈ SỐ TÀI CHÍNH



		2015	2016	2017	2018	2019
KHẢ NĂNG THANH TOÁN						
Thanh toán hiện thời	Tính thanh khoản, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn	1,32	1,33	1,27	1,33	1,5
Thanh toán nhanh	Khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền và thu tiền bán hàng	0,73	0,83	0,45	0,49	0,54
Thanh toán lãi vay	Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh để trả lãi vay ngân hàng	12,6	12	14,2	7	7,4
CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN						
Tổng nợ/Tổng nguồn vốn	Giá trị nợ ngắn hạn và dài hạn trong tổng nguồn vốn	70%	70%	74%	70%	62%
Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	Tỉ trọng nợ ngắn hạn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại SPC	67%	68%	73%	67%	60%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Đòn bẩy kinh doanh	2,2	2,3	2,9	2,3	1,6
Vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	Tỉ trọng vay nợ ngân hàng so với vốn chủ sở hữu	44%	22%	35%	76%	58%
CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG						
Hiệu quả sử dụng tổng tài sản	1 đồng giá trị tài sản sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu	1,66	1,51	1,76	1,62	1,85
Vòng quay hàng tồn kho	Hiệu quả luân chuyển hàng tồn kho trong năm	3,2	3,2	3,0	2,4	2,6
Vòng quay phải thu thuần kinh doanh	Công tác thu tiền bán hàng, tín dụng ưu đãi cho các đại lý	4,0	3,5	5,4	6,4	7,3
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI						
Tỉ suất lợi nhuận gộp	Mức độ sinh lời và kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm	26,1%	23,4%	19,5%	17,8%	21%
Tỉ suất lợi nhuận ròng	100 đồng doanh thu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận	3,2%	3,5%	3,1%	3,1%	3,2%
ROE	Mức độ sinh lời so với vốn góp ban đầu của chủ sở hữu	26,6%	29,3%	36,4%	37,1%	37,6%
EPS	Thu nhập mỗi cổ phần, giá trị mang lại cho các cổ đông	2.662	2.309	3.573	3.724	3.676





BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

của

Ban Điều Hành, HĐQT,
Ban Kiểm soát

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



Năm 2019, trong bối cảnh các doanh nghiệp thuốc bảo vệ thực vật gặp nhiều khó khăn do nhà nước loại bỏ một số hoạt chất ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, theo đó Công ty SPC cũng đã chịu ảnh hưởng khá nặng nề.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã có những quyết sách, chủ trương thay đổi kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, cùng với sự nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ nhân viên Công ty, năm 2019 Công ty đã hoàn thành khá tốt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, chi tiết như sau: *Tổng doanh thu hợp nhất: thực hiện 1.234 tỷ, đạt 99,9%*

so với kế hoạch và đạt 99,5% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; Lợi nhuận trước thuế: thực hiện 51,7 tỷ, đạt 103,8% so với kế hoạch và đạt 103% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Số liệu tài chính năm 2019 sau khi đã hợp nhất CTCP Thương Mại Mộc Hóa (MJC):
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	1.236.000.000.000	1.234.402.668.217	99,9%
Lợi nhuận trước thuế	49.800.000.000	51.704.531.631	103,8%
Lợi nhuận sau thuế	39.800.000.000	39.644.605.671	99,6%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 của SPC

Số liệu tài chính năm 2019 chưa hợp nhất Công ty MJC như sau:
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	950.000.000.000	954.567.256.553	100,5%
Lợi nhuận trước thuế	46.700.000.000	48.580.350.950	104%
Lợi nhuận sau thuế	37.300.000.000	37.189.544.218	99,7%



1.2 Các hoạt động của HĐQT trong năm 2019



Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, năm 2019 vừa qua, HĐQT đã làm tốt các công việc trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, công khai và minh bạch. Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động điều hành, đảm bảo sự cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, đối tác, cộng đồng và quyền lợi của người lao động; đồng thời củng cố nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Ngoài ra, HĐQT cũng đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động của Công ty.

Việc công bố thông tin của HĐQT được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Năm 2019, HĐQT duy trì đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo qui định và các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc. Các cuộc họp được tổ chức theo đúng qui định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận rất lớn của người lao động trong toàn Công ty, theo đó HĐQT đã thông qua một số nội dung chính như sau:

- Triển khai và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng qui định.
- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý, đánh giá hiệu quả điều hành của Ban giám đốc, hoạt động Ban kiểm soát, những tồn tại chưa giải quyết được.
- Xem xét và thông qua các tờ trình, đề xuất của Ban điều hành nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị được thuận lợi, hiệu quả.
- Cùng Ban điều hành giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.



1.3 Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT:

Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua với tổng thù lao là 144.000.000 đồng (không bao gồm lương chuyên trách). Chi tiết cho từng thành viên HĐQT như sau:

- Chủ tịch hội đồng quản trị: hưởng lương chuyên trách. (36 triệu đồng/tháng, căn cứ theo hiệu quả hoạt động kinh doanh hàng tháng).
- Thành viên hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/tháng.



1.4 Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:

Căn cứ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ tháng, hoặc họp bất thường trong trường hợp có công việc quan trọng, khẩn cấp cần giải quyết.

Các nội dung giám sát có chuyên đề:

- Giám sát việc đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.
- Giám sát xử lý nợ phải thu, giám sát chất lượng hàng tồn kho thông qua việc thành lập các tổ công tác nhằm xử lý trực tiếp và kịp thời các vấn đề phát sinh và tồn đọng.
- Giám sát việc thu chi tài chính.
- Giám sát việc thanh lý các dự án đầu tư không hiệu quả.
- Giám sát việc thực hiện Quy chế của Ban điều hành...

Trong năm qua, Ban điều hành thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động trong các các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban điều hành đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.

1.5 Nhận xét đánh giá:

Nhìn chung, trong năm 2019, chất lượng hoạt động của HĐQT ngày càng được nâng cao trên cơ sở phát huy tối đa trí tuệ tập thể, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, dân chủ và sự đồng thuận của các thành viên HĐQT.

Trong năm 2019, cùng với việc sáp nhập các chi nhánh khu vực Duyên hải miền Trung, các chi nhánh khu vực Sông Tiền, và sáp nhập các chi nhánh khu vực Sông Hậu, HĐQT đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban điều hành, ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm việc sáp nhập để thu gọn bộ máy giảm nhân sự quản lý gián tiếp bố trí tăng cường nhân lực trực tiếp cho kinh doanh.



Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

STT	SỐ VĂN BẢN	NGÀY	TRÍCH YẾU
1	02/NQ-BVTVSG-HĐQT	26/02/2019	Đầu tư 01 xe du lịch bán tải cho Lào ; BĐH bổ sung phân tích hiệu quả; Đầu tư 01 xe 7 chỗ cho CPC : đồng ý chủ trương 66.000 USD...
2	03/NQ-BVTVSG-HĐQT	27/02/2019	Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2019 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018
3	04/NQ-BVTVSG-HĐQT	27/02/2019	Ban hành Quy chế công bố thông tin
4	4b/NQ-BVTVSG-HĐQT	12/03/2019	BC quỹ tiền lương thực hiện của NLD, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý và kế hoạch tiền lương thù lao 2019; thông qua dự thảo hồ sơ ĐHCĐ 2019
5	06/NQ-BVTVSG-HĐQT	03/4/2019	Chính thức thông qua hồ sơ trình ĐHCĐ năm 2019
6	07/NQ-BVTVSG-HĐQT	09/4/2019	Thông qua nội dung hồ sơ ĐHCĐ 2019 của MJC.
7	18/NQ-BVTVSG-HĐQT	24/5/2019	Kết quả SXKD 4 tháng đầu năm 2019 phương hướng 8 tháng cuối năm 2019; Cử thêm ông Minh là ĐDV tại MJC; cử bà Ánh Tuyết ứng cử vị trí Trưởng BKS MJC; Phương án xd phân xưởng sx phân bón hữu cơ vi sinh hóa chất; Sửa chữa thay mái tole kho nguyên liệu; tạm ngưng hoạt động một số chi nhánh; Phân bổ quỹ thưởng BDH 2018; Điều chỉnh Quy chế quản lý, phân phối sd Quỹ thưởng BDH...
8	22/NQ-BVTVSG-HĐQT	19/7/2019	HĐQT SPC trả lời cho ĐDV MJC v/v bầu bổ sung TV HDQT thay bà Nguyễn Anh Phượng xin từ nhiệm.
9	23/NQ-BVTVSG-HĐQT	02/8/2019	Phân công ông Phan Tiến Dũng - PP KHĐT phụ trách chung P.KHĐT.
10	25/NQ-BVTVSG-HĐQT	15/8/2019	Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2019 và phương hướng 6 tháng cuối năm.
11	26/NQ-BVTVSG-HĐQT	21/8/2019	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2018 (10%)
12	28/NQ-BVTVSG-HĐQT	18/10/2019	Nghị quyết HĐQT về vay ngân hàng Agribank
13	30/NQ-BVTVSG-HĐQT	18/10/2019	Báo cáo kết quả SXKD niên vụ 2018-2019 9 tháng đầu năm 2019 và phương hướng 3 tháng cuối năm 2020...
14	32/NQ-BVTVSG-HĐQT	24/12/2019	Kế hoạch chi phí năm 2020 SPC Lào, đồng ý xóa nợ phải thu khó đòi công ty Thanh Tân và HTX Đại Đoàn Kết...



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

KP1, Đường Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Q. 7, TP.HCM
 ĐT: (028) 38733666 - 38731149 - Fax: (028) 38733003 - 38733391
 Email: spchcmc@ hcm.vnn.vn - Website: www.spchcmc.com.vn

ISO 9001 : 2015
 ISO / IEC 17025
 ISO : 14001 : 2004



THUỐC TRỪ CỎ

THẾ HỆ MỚI

**THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG
 THAY THẾ CÁC SẢN PHẨM
 CÓ HOẠT CHẤT 2,4D VÀ PARAQUAT**

2,4D

PARAQUAT



(PHÙ HỢP VỚI CHỦ TRƯỞNG CỦA TẬP ĐOÀN)



2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

2.1 Kế hoạch một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2020:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	
	Chưa hợp nhất MJC	Sau khi hợp nhất MJC
Doanh thu thuần	950.000.000.000	1.236.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	46.700.000.000	49.800.000.000
Lợi nhuận sau thuế	37.300.000.000	39.800.000.000
Tỷ lệ chi trả cổ tức	17%	17%

2.2 Giải pháp thực hiện:

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 được Đại hội cổ đông thông qua.
- Tập trung trong công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới nhằm thay thế sản phẩm bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV theo qui định của nhà nước, đồng thời mở rộng ngành nghề kinh doanh như kinh doanh phân bón lá dạng nước, phân hữu cơ vi sinh, các sản phẩm phục vụ nông nghiệp đô thị...
- Tiếp tục củng cố bộ sản phẩm chiến lược, các sản phẩm có kỹ thuật cao thân thiện với môi trường nhằm tạo sự khác biệt, nâng cao năng lực cạnh tranh, khai thác các thị trường tiềm năng còn bỏ ngỏ, .
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm và tăng tính năng cạnh tranh của sản phẩm; đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất nhằm tạo động lực tăng năng suất sản xuất, đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
- Thực hiện các giải pháp quản lý an toàn tài chính; tối đa hóa việc sử dụng vốn; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản trị tài chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác quản lý kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của nhân viên.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, tổ chức các sự kiện như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC, hội thảo thương mại kết hợp du lịch nghỉ



đường, ... Ngoài ra, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia và Myanmar để giải quyết bài toán tăng trưởng.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách đào tạo phù hợp cùng với việc phân công, bố trí công việc hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của đơn vị. Trẻ hoá cán bộ lãnh đạo và quản lý. Tập hợp các cán bộ lớn tuổi, có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm tạo thành một đội ngũ chuyên gia để hỗ trợ cho cán bộ lãnh đạo trẻ.



Năm 2020 được dự báo sẽ tiếp tục những khó khăn, thách thức với tình hình nhiễm mặn ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và tình hình khô hạn ở các tỉnh miền trung năm 2020 diễn ra hết sức nặng nề, khốc liệt đồng thời tình hình dịch bệnh nCoV19 và việc một số sản phẩm chủ lực như Glyphosate, Chlorpyrifos, ... hết hiệu lực kinh doanh trong năm 2020 sẽ ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu doanh số và lợi nhuận trong thời gian tới. Nhưng với quyết tâm, đoàn kết, dân chủ và sự đồng thuận của các thành viên HĐQT, HĐQT tin tưởng rằng Công ty cổ phần bảo vệ thực vật Sài Gòn sẽ tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận trong năm 2020.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1.1 ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG:



Trong năm qua, do tác động của việc cấm kinh doanh một số sản phẩm theo qui định của Cục Bảo vệ thực vật đã gây nên sự xáo trộn về giá bán ở kênh phân phối, các đơn vị cùng ngành liên tục bán phá giá để đẩy số lượng lớn sản phẩm cấm còn tồn kho do đó đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

Bên cạnh đó, giá các loại nông sản thường xuyên bấp bênh, thị trường gạo xuất khẩu bị thu hẹp trong khi đó giá vật tư nông nghiệp ngày càng tăng nên mức tiêu thụ thuốc bảo vệ thực vật giảm rõ rệt.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã kiên trì xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường bằng chất lượng sản phẩm và chữ tín trong hoạt động kinh doanh, đáp ứng tối đa những yêu cầu của khách hàng và thị trường đang từng ngày không ngừng thay đổi. Nhờ vậy, Công ty vẫn tiếp tục ổn định hoạt động và hoàn thành khá tốt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2019.

1.2 KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:

Giá trị sản xuất (theo giá CD 94):

Giá trị sản xuất (theo giá CD 94): thực hiện 766 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch năm và đạt 107% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hợp nhất:

Thực hiện 1.234 tỷ, đạt 99,9% so với kế hoạch và đạt 99,5% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận trước thuế:

Thực hiện 51,7 tỷ, đạt 103,4% so với kế hoạch và đạt 103% so với thực hiện cùng kỳ.

Thu nhập người lao động:

Đạt 105% kế hoạch và đạt 100% so với cùng kỳ năm trước.

Stt	Chỉ tiêu	Dvt	TH 2018	Năm 2019			
				Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	2019/2018
1	Giá trị sản xuất	1.000 đ	716.700.000	723.596.179	766.405.894	106%	107%
2	Sản lượng	Tấn	14.380	14.169	14.087	99,4%	98%
3	Tổng doanh thu hợp nhất	1.000 đ	1.241.135.286	1.236.000.000	1.234.402.668	99,9%	99,5%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	50.177.059	49.800.000	51.704.531	103,4%	103%
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	39.557.924	39.800.000	39.644.605	99,6%	100,2%
6	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	%	37,6%	37,8%	37,6%	99,5%	100%
7	Nợ ngân sách	1.000 đ	45.234.438	43.000.000	44.052.786	102,4%	97,4%
8	Tổng quỹ lương	1.000 đ	76.512.921	72.695.614	73.807.322	101,5%	97%
9	Lao động bình quân	người	531	531	515	97%	97%
10	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	12.786.598	12.187.523	12.741.683	105%	100%



Doanh nghiệp được bình chọn liên tục từ 2005 đến nay

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

www.spchcmc.vn

1.3 VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ:



Chuyển nhượng dự án đầu tư tại Lào: Công ty đã gửi văn bản trình Sở KH& Đầu tư đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt cho giữ lại Trung tâm thương mại tại KM21 để tổ chức kinh doanh và làm văn phòng SPC Lào và hiện còn đang chờ văn bản trả lời của Ủy Ban.



Dự án đầu tư xây dựng, mua sắm MMTB: Đầu tư máy nghiền bột cho Phòng thí nghiệm và làm mới bồn hấp phụ hệ thống xử lý khí thải khu vực sản xuất thuốc bột hạt và thuốc nước; Sửa chữa thay mới mái tôn kho nguyên liệu và làm mới nhà để xe khu vực văn phòng công ty. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác giám sát bán hàng và công tác quản lý nhằm nâng cao năng suất làm việc, tiết kiệm thời gian và chi phí quản lý.

1.4 VỀ LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU – PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI:

Tập trung đẩy mạnh công tác đăng ký sản phẩm mới và đăng ký bổ sung nhằm thay thế các sản phẩm cũ, các sản phẩm có hoạt chất bị cấm sản xuất nhằm bổ sung danh mục sản phẩm thay thế chất lượng tốt hơn, không ảnh hưởng đến môi trường...

Được Cục BVTV cấp phép vào danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng ở Việt nam cho 2 sản phẩm mới; và đang nộp hồ sơ đăng ký mới 3 sản phẩm, xin giấy phép khảo nghiệm đăng ký bổ sung thêm 3 đối tượng dịch hại/cây trồng; Đăng ký mới 9 sản phẩm cho Campuchia, 5 sản phẩm cho Myanmar và 6 sản phẩm cho Lào.

Nhận nhượng quyền phân phối phân chất lượng cao nguồn gốc Châu Âu, phân gà Nhật Bản, tự sản xuất phân bón lá NPK hữu cơ có chất điều hòa sinh trưởng.

Tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm thân thiện môi trường, làm từ nguyên liệu hữu cơ, an toàn, chất lượng nhằm tạo sự khác biệt và tăng hiệu quả kinh doanh đồng thời thay thế cho các sản phẩm có hoạt chất độc cao bị cấm từ năm 2020.

Mở rộng quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm các sản phẩm mới để nhằm phát triển thêm bộ sản phẩm của Công ty. Đồng thời phát triển sản phẩm mới dựa trên các sản phẩm hiện tại để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

1.5 VỀ CÔNG TÁC VẬN HÀNH NỘI BỘ:

Thực hiện tổ chức sắp xếp lại bộ máy, sáp nhập các chi nhánh khu vực Duyên hải miền Trung, các chi nhánh khu vực Sông Tiền, và sáp nhập các chi nhánh khu vực Sông Hậu; việc sáp đã thu gọn bộ máy giảm nhân sự quản lý gián tiếp bố trí tăng cường nhân lực trực tiếp cho kinh doanh.



Đã trình HĐQT sắp xếp thay đổi nhân sự và bổ nhiệm các chức danh Quyền Giám Đốc SPC Lào, Giám Đốc Chi Nhánh Myanmar, Quyền Giám Đốc Chi nhánh Daklak, Quyền Giám Đốc Chi nhánh Gia Lai, Quyền Trưởng Phòng KDĐT, và điều động cán bộ các phòng ban đơn vị trực thuộc.

Về tổ chức sản xuất đã thực hiện cải tiến phương tiện, hợp lý hóa các dây chuyền sản xuất, và đưa vào phương án sản xuất thí điểm với thời gian máy chạy 5 giờ áp dụng cho chuyển 16 bét và chuyển máy ba biên, giảm bớt thời gian nghỉ giữa ca, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất và sản

lượng đã đáp ứng kịp thời nhu cầu hàng hóa cho thị trường.

Quan tâm và thực hiện tốt công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho các đồng chí đảng ủy viên, cấp ủy các chi bộ trực thuộc, cán bộ quản lý và CBCNV toàn Công ty; Thực hiện công tác đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ kế toán – kinh doanh – quảng bá, bồi dưỡng kiến thức ISO, kiến thức về thuốc BVTV, an toàn trong sản xuất bảo quản thuốc BVTV, an toàn vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ... cho cán bộ quản lý, CBCNV phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc; 07 Cán bộ quản lý đang tham gia lớp chương trình sau Đại học, 03 cán bộ quản lý học Trung cấp chính trị.

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, nộp BHXH, BHYT, ... đầy đủ đúng quy định.



1.6 VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH



Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý nợ, xây dựng hạn mức tín dụng cho từng khách hàng, xiết chặt việc bán hàng cho khách hàng thông qua công cụ hạn mức tín dụng, công nợ quá hạn, ký hợp đồng mua bán đã có hiệu quả trong công tác quản lý công nợ khách hàng, hạn chế được rủi ro tài chính.

Tăng cường giám sát việc áp dụng định mức tồn kho cho từng chi nhánh, khu vực, từng ngành hàng nhằm kiểm soát, tăng vòng quay hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của đơn vị.

Cụ thể, Tổng nợ phải thu khách hàng trong năm 2019 đã giảm 30% với cùng kỳ năm 2018; tổng giá trị hàng tồn kho 2019 giảm 16% so với cùng kỳ 2018.

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế cho ngân sách Nhà Nước theo đúng quy định pháp luật.

1.7 VỀ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Trong năm 2019, Công ty đã tập trung đẩy mạnh công tác quảng bá các sản phẩm chủ lực đặc biệt phải nói đến là đẩy mạnh công tác quảng bá sản phẩm thuốc trừ cỏ Fasfix đã mang lại hiệu quả nhất trong bối cảnh hoạt chất như Glyphosate, Chlopyryphos, ... đã bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV.

Tập trung phát triển thị trường tại Myanmar sau khi được cấp giấy phép cho thành lập Công Ty SPC tại Myanmar và bước đầu đã tìm kiếm được đối tác mở được thị trường xuất bán thuốc BVTV sang Myanmar; Tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường Campuchia thông qua việc tung ra một số sản phẩm mới, giá cả cạnh tranh.

Thường xuyên đánh giá hệ thống phân phối hiện tại, tạo quan hệ gắn bó với hệ thống phân phối qua các chương trình khuyến mãi, hậu mãi, tổ chức gặp gỡ chăm sóc khách hàng, hội thảo như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC, phân nhóm khách hàng theo mức: khách hàng thân thiết, khách hàng thẻ đồng, thẻ bạc, thẻ vàng, khách hàng vip, mỗi nhóm sẽ được gắn với quyền lợi tương ứng; Và tập trung tăng cường phát triển hệ thống phân phối tại thị trường Campuchia, Lào, Myanmar



QUAY SỐ MAY MẮN 2019

Thành phố Cần Thơ



2. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

2.1 MỘT SỐ DỰ BÁO THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

Thuận lợi



- Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước, công tác quản lý tài chính, marketing phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh cả ngắn và trong dài hạn.

- Các sản phẩm của Công ty đa dạng, chất lượng cao, giá cả hợp lý, cạnh tranh tiếp tục giữ được uy tín đối với nông dân, người tiêu dùng trực tiếp do chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo và mang lại hiệu quả cao cho người tiêu dùng.

- Các khách hàng truyền thống của Công ty vẫn tiếp tục gắn bó với Công ty, chia sẻ khó khăn và kinh nghiệm thị trường, hệ thống phân phối luôn được giữ vững và phát triển. Đến nay hệ thống phân phối trong nước đạt gần 1000 đại lý các cấp, chi nhánh kinh doanh cho phép sản phẩm thuốc của SPC có mặt ở mọi miền đất nước.

- SPC nhận được tín nhiệm của các ngân hàng thương mại và các nhà cung cấp đầu vào.

- Luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Tổng Công ty cũng như sự hỗ trợ của các cơ quan ban ngành có liên quan (Chi cục BVTV, Trạm khuyến nông, Hiệp hội BVTV)

Khó khăn:

- Dự báo năm 2020, với tình hình nhiễm mặn ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và tình hình khô hạn ở các tỉnh miền trung diễn ra hết sức nặng nề, khốc liệt đồng thời tình hình dịch bệnh Covid19 sẽ làm cho nhu cầu thị trường thuốc BVTV giảm mạnh, do đó chắc chắn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

- Bên cạnh đó, do một số sản phẩm chủ lực đã bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV nên áp lực về doanh số rất lớn trong thời gian tới (chiếm gần 50% tổng doanh thu) vì các sản phẩm thay thế chưa thể bù đắp kịp trong thời gian ngắn.

- Thị trường kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tiếp tục cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, diện tích đất nông nghiệp trong những năm gần đây có xu hướng giảm. Song song đó là việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sẽ trở nên thận trọng hơn khi mà các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm trong nước và quốc tế ngày càng nghiêm ngặt.

- Lãi vay ngân hàng tăng cao trong thời gian qua và đang có chiều hướng tăng thêm trong thời gian tới nên sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả kinh doanh của đơn vị do nguyên liệu chủ yếu là nhập khẩu và nguồn vốn lưu động chủ yếu sử dụng vốn vay ngân hàng



2.2 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2020

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

Stt	Chỉ tiêu	Dvt	TH 2019	Kế hoạch 2020	
				Chưa hợp nhất MJC	Đã hợp nhất MJC
1	Giá trị sản xuất	1.000 đ	766.405.894	723.596.179	723.596.179
2	Sản lượng	Tấn	14.087	13.700	13.700
3	Tổng doanh thu hợp nhất	1.000 đ	1.234.402.668	950.000.000	1.236.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	51.704.531	46.700.000	49.800.000
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	39.644.605	37.300.000	39.800.000
6	Tỷ suất LNST/Vốn góp CSH	%	37,6%	35,42%	37,80%
7	Nộp ngân sách	1.000 đ	44.052.786	43.000.000	43.000.000
8	Tổng quỹ lương	1.000 đ	75.807.322	72.695.614	72.695.614
9	Lao động bình quân	người	515	515	515
10	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	12.741.683	12.187.523	12.187.523



Các giải pháp chính để Công ty đạt được kế hoạch đề ra

- Đẩy mạnh công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới thay thế sản phẩm bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV, đồng thời tập trung phát triển và cung ứng ra thị trường các sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc trừ sâu bệnh có nguồn gốc sinh học, các sản phẩm có kỹ thuật cao thân thiện với môi trường có hiệu quả cao cho nông dân, cạnh tranh được với các sản phẩm của các công ty khác trong cùng ngành.
- Tập trung triển khai các chiến lược như chiến lược về bao bì (cải tiến mẫu mã bao bì, chuẩn hóa việc nhận dạng bao bì riêng của SPC, đa dạng màu sắc theo nhu cầu của khách hàng), chiến lược 3L (sản xuất số lượng tối thiểu theo nhu cầu KH), chiến lược về định vị sản phẩm phẩm chủ lực, sản phẩm tiềm năng, định vị cây trồng chủ lực và tiềm năng...
- Triển khai nhanh chiến lược phát triển sản phẩm nông nghiệp đô thị bao gồm bộ sản phẩm hiện hữu (sản xuất gói nhỏ phù hợp với nông nghiệp đô thị), đất sạch, sản phẩm thuốc đã pha chế sẵn, sản phẩm sinh học, hữu cơ thân thiện môi trường.
- Tập trung đẩy mạnh phát triển thị trường tại Campuchia, Myanmar và Lào, đặc biệt tập trung công tác nhập khẩu trực tiếp từ nhà cung cấp cho thị trường nước ngoài đối với các sản phẩm bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ phải thu thông qua chính sách thu tiền, công cụ hạn mức tín dụng nhằm đảm bảo chỉ tiêu Nợ phải trả/Vốn CSH nằm dưới mức cho phép.
- Tinh gọn hệ thống kho bãi thông qua các tổng kho sau khi sáp nhập một số chi nhánh nhằm tiết giảm chi phí hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài và sử dụng một cách hiệu quả trên cơ sở chủ động qui hoạch, bố trí sử dụng các chức danh then chốt của Công ty.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác giám sát bán hàng và công tác quản lý nhằm nâng cao năng suất làm việc, tiết kiệm thời gian và chi phí quản lý.
- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua tiết kiệm chi phí và hoàn thành kế hoạch SXKD

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019 :

- Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Giám sát tình hình sử dụng lao động và việc chấp hành các chế độ liên quan đến người lao động theo luật định.
- Phối hợp với Ban KTNB tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại các phòng/ban và chi nhánh... Từ đó, báo cáo kiến nghị các giải pháp cho HĐQT và Ban điều hành nhằm ngăn ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến đơn vị và lợi ích của cổ đông.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban, chuyên đề, chiến lược của Công ty và nêu các ý kiến, đề xuất giải pháp cho HĐQT và Ban giám đốc nhằm kiểm soát và quản trị rủi ro một cách hiệu quả nhất.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC.
- Hàng tháng kiểm tra, theo dõi các số liệu phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, qua đó phân tích đánh giá các chỉ tiêu tài chính và kiến nghị các biện pháp nhằm mục tiêu giảm thiểu tối đa tổn thất cho đơn vị.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng qui định của pháp luật, xem xét tính minh bạch trong quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- Xem xét mức phí và đánh giá năng lực các đơn vị kiểm toán độc lập. Tư vấn HĐQT trong việc chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Vào thời điểm giữa năm và cuối năm, BKS phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ và các Công ty con nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch của các số liệu.



- Mức thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2019 :

- ✓ Trưởng Ban kiểm soát : Hưởng lương chuyên trách
- ✓ Thành viên Ban kiểm soát : 2 triệu đồng/tháng.



2. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019:

2.1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2019 : DVT : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Tỷ lệ	
			Kế hoạch	Thực hiện	3/1	3/2
		1	2	3	4	5
1	Tổng tài sản	722.792		610.000	84%	
2	Công nợ phải thu KH	190.221		150.819	79%	
3	Hàng tồn kho	405.146		352.844	87%	
4	Nợ phải trả	506.329		378.863	75%	
5	Vốn chủ sở hữu	216.462		231.137	107%	
6	Hệ số Nợ/Vốn CSH (lần)	2,3		1,6	70%	
7	Doanh thu (hợp nhất)	1.241.135	1.236.000	1.234.403	99,6%	99,5%
8	Lợi nhuận trước thuế	50.177	49.800	51.705	103%	104%
9	Lợi nhuận sau thuế	39.558	39.800	39.644	99,6%	100,2%
10	Tỷ suất LNST/Doanh thu	3,2%		3,2%	100%	

(Nguồn số liệu: căn cứ BCTC năm 2019 đã được kiểm toán)

Ghi chú: Doanh thu và lợi nhuận 2019 đã bao gồm số liệu của Công ty cổ phần Mộc Hóa

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện

- Công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2019: 150.819.088.937 tỷ đồng, giảm 21% (tương đương 39,4 tỷ đồng) so với cùng thời điểm năm 2018.

Nguyên nhân: Ngoài việc xây dựng hạn mức tín dụng đến từng khách hàng thì Công ty đã ban hành kịp thời nhiều thông báo về chính sách thu tiền đúng thời điểm và thành lập các tổ công tác hỗ trợ chi nhánh thu hồi công nợ một cách hiệu quả nhất, làm cho công nợ đến cuối năm 2019 giảm đáng kể.

- Hàng tồn kho đến 31/12/2019 : 352.843.625.550 tỷ đồng, giảm 13% (tương đương 52,3 tỷ đồng) so với cùng thời điểm cùng kỳ năm 2018.

Nguyên nhân : Một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật bị loại ra khỏi danh mục theo quy định đã được công ty tiêu thụ trong năm 2019, đồng thời công ty siết chặt công tác nhập khẩu nguyên liệu phù hợp hơn với năng lực sản xuất của nhà máy và tiếp tục thay đổi chiến lược vật tư, bao bì đồng nhất cho sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh và giảm thiểu tối đa tồn kho, làm cho tồn kho đến cuối năm 2019 giảm nhiều so với thời điểm cùng kỳ năm trước.



- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu ở mức 2,3 lần năm 2018 đã giảm về mức 1,6 lần vào cuối năm 2019.

Nguyên nhân: Công nợ phải thu khách hàng và hàng tồn kho giảm nhiều nên công ty có nguồn vốn lưu động tăng thêm, chủ động trong việc thanh toán nợ cho nhà cung cấp và khoản vay các ngân hàng, dẫn đến hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm đáng kể và hệ số này luôn được công ty quan tâm, theo dõi, kiểm soát chặt chẽ.

- Doanh thu năm 2019: 1.234 tỷ đồng đạt 99,9% kế hoạch năm và đạt 99,5% so với thực hiện năm 2017
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019: 39,6 tỷ đồng đạt 99,6% kế hoạch năm và đạt 100,2% so với thực hiện năm 2018.
- Tỷ suất LNST/Doanh thu năm 2019 : đạt 3,2% tương đương so với năm 2018.

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2019 :

Về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Công ty đã thực hiện với các kết quả như sau :

- Trong năm 2019 HĐQT và Ban điều hành công ty đã nỗ lực phấn đấu, khắc phục những khó khăn để định hướng và điều hành đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, một số chỉ tiêu về Doanh thu, Lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức...đều đạt kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 đã đề ra.
- Công ty đã sử dụng và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi theo đúng tinh thần của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 đã ban hành.
- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với tỷ lệ 17%/mệnh giá (1.700 đồng/cổ phiếu).
- Đã chi trả thù lao đầy đủ cho HĐQT và BKS cũng như khen thưởng HĐQT, BKS, BDH theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019.
- Công ty đã thông qua các tiêu chí về đơn vị kiểm toán độc lập và lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 theo đúng Nghị quyết.



4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HĐQT NĂM 2019



- Trong năm 2019, để đạt được những kết quả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra thì HĐQT đã tiến hành họp định kỳ, đột xuất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và đã ban hành 14 Nghị quyết với nhiều nội dung cụ thể nhằm định hướng, chỉ đạo, giải quyết kịp thời các vấn đề cấp bách, các NQ này được BDH triển khai thực hiện triệt để nhằm đảm bảo hoạt động SXKD luôn được thông suốt, mang lại hiệu quả cao nhất cho đơn vị;
- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý của đơn vị, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, chỉ đạo giải quyết những tồn tại.
- Miễn nhiệm và bổ nhiệm mới những cán bộ quản lý phòng/ban, chi nhánh thuộc phạm vi quyền hạn HĐQT nhằm ổn định tình hình nhân sự: Trưởng phòng KHĐT, Trưởng ban KTNB, Giám đốc SPC.Myanmar, Quyền Trưởng phòng KDTT, Quyền Giám đốc các đơn vị SPC.Lào, CN Daklak, CN Gia Lai...
- Thông qua một số Tờ trình của Ban điều hành về việc xóa nợ phải thu khó đòi Công ty Thanh Tân và HTX Đại Đoàn Kết, thanh lý xe Everest tại Lào...
- Xem xét phản hồi và thông qua một số Tờ Trình của Công ty MJC, cử Ông Lý Văn Minh là Đại diện vốn SPC tại MJC và bà Bùi Thị Ánh Tuyết ứng cử vị trí Trưởng ban kiểm soát MJC.
- Ban hành các Quy chế người Đại diện vốn tại các Doanh nghiệp, Quy chế Công bố thông tin...cho phù hợp với thực tiễn
- Ban hành Nghị quyết thông qua kế hoạch đầu tư, sửa chữa lớn năm 2019-2020 phù hợp tình hình hiện tại.

5. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG

- BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của công ty. Hoạt động của công ty là tuân thủ theo pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của công ty và các Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- HĐQT và Ban điều hành đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung, có đầy đủ các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát tham gia, có biên bản họp sau khi kết thúc, những cuộc họp lấy ý kiến các thành viên đều được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, và phù hợp với Điều lệ công ty. Các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã ban hành kịp thời các Quy định, các Quy chế và các văn bản mới để áp dụng vào thực tiễn theo quy định của Tổng công ty và phù hợp với luật doanh nghiệp và luật pháp Việt Nam.
- Trong năm 2019 vẫn còn khó khăn do cạnh tranh gay gắt trên thị trường, một số hoạt chất bị loại bỏ ra khỏi danh mục sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu của đơn vị, tuy nhiên công ty đã kịp thời đưa ra các chính sách bán hàng phù hợp, nỗ lực tìm kiếm các sản phẩm thay thế, phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch, tiết kiệm chi phí nhằm hoàn thành kế hoạch được giao



6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BGD :

- Trong năm qua, giữa BKS với HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.
- HĐQT tiếp tục giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua.
- Trong năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.



7. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT :

- Công ty tăng cường hơn nữa công tác quản lý hàng tồn kho của đơn vị, tồn kho tăng cao gây áp lực lớn về vốn, kho bãi, nhân sự quản lý và tăng chi phí, ngoài ra hàng hóa chậm luân chuyển mang lại rủi ro lớn như cận date, hết date.
- Công ty tiếp tục công tác theo dõi và có biện pháp thu hồi các công nợ cũ khó đòi, hạn chế tối đa phát sinh mới nợ xấu. Kiện toàn và nâng cao năng lực bộ phận pháp chế tại đơn vị.
- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cuối năm 2019 đã giảm nhiều so với năm 2018. Vì vậy, trong thời gian tới đề nghị công ty tiếp tục kiểm soát tốt, duy trì hệ số này luôn ở mức an toàn.
- Cần tăng cường hơn nữa công tác quản trị rủi ro, chú trọng đến việc đảm bảo an toàn tài chính cho đơn vị, phân tích đánh giá tình hình tài chính của khách hàng.
- Tăng cường, hỗ trợ, đưa ra các chính sách phù hợp đối với một số đơn vị thường xuyên không đạt kế hoạch kinh doanh.
- Phát triển nguồn nhân lực trẻ, chuyên nghiệp, có đức, có tài để kế thừa và bổ sung kịp thời nhân lực quản trị điều hành nhằm đảm bảo cho sự ổn định và phát triển của đơn vị.
- Tập trung xây dựng phương án kinh doanh trung hạn và dài hạn cho SPC.Lào để tận dụng mặt bằng TTTM Km21 mang lại hiệu quả cao nhất.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, đăng ký, phát triển sản phẩm mới để thay thế các sản phẩm bị cấm kinh doanh theo qui định của Cục BVTV nhằm hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch đề ra.
- Tiếp tục đầu tư mua sắm máy móc thiết bị cho Xí nghiệp Hiệp Phước để nâng cao năng suất và giảm thiểu tối đa chi phí, tăng cường năng lực cạnh tranh. Hoàn thiện quy trình quản lý, đào tạo và thu hút được nhiều nhân viên mới có năng lực. Có nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ động viên kịp thời cho nhân viên để công ty vẫn hoàn thành kế hoạch trong bối cảnh kinh tế khó khăn.



8. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2020:

- Ban kiểm soát thay mặt cho cổ đông thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ công ty.
- Kiểm soát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm soát tình hình kinh doanh của Công ty, xem xét tiến độ hoạt động của các dự án, tình hình sử dụng nguồn vốn công ty, tình hình quản lý công nợ, hàng hóa tồn kho.
- Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành các Quy chế, Quy trình khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, quản lý vật tư hàng hóa, công nợ, chi phí và đầu tư của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất với HĐQT và Ban giám đốc.
- Kiểm tra công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ tại các Phòng/Ban Công ty.
- Phối hợp cùng kiểm toán nội bộ để thực hiện các công việc kiểm tra, kiểm soát tại văn phòng công ty và các chi nhánh nhằm nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra.
- Thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan.
- Thông qua chương trình kiểm toán và trực tiếp tham gia quyết toán Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty cùng đơn vị kiểm toán độc lập.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng và đại diện cổ đông lớn trong việc tổ chức thực hiện kiểm tra các vấn đề được nêu trong đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có).
- Thực hiện nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.



HỘI DOANH NGHIỆP HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

Chứng nhận Doanh Nghiệp



ĐẠT DANH HIỆU HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

Liên tục từ năm 2005 đến nay







BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

A member of  International

aasc.com.vn

AASC AUDITING FIRM

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 49
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11/01/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên
Bà Đặng Thanh Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Thông	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc
Ông Điều Quang Trung	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng
----------------------	----------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Vũ	Trưởng ban
Bà Mai Thị Lệ Khuyên	Thành viên
Bà Lương Thanh Huyền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020





Số: 200320.002/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được lập ngày 20 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

aasc.com.vn

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

4

93

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC). Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 01 tháng 03 năm 2019.

Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC

**Trần Trung Hiếu**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Lê Kim Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1

5

94

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông,
quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày
31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2019	
			31/12/2019	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		548.481.104.187	656.559.649.085
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	46.167.925.580	62.463.771.738
111	1. Tiền		37.827.990.945	51.463.771.738
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.339.934.635	11.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		151.804.143.276	184.713.132.288
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	150.819.088.937	190.221.167.378
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	7.159.674.867	7.536.210.809
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	83.484.774
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	22.508.481.073	16.248.776.296
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(28.914.885.198)	(29.600.176.234)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	7	231.783.597	223.669.265
140	IV. Hàng tồn kho	9	345.701.832.632	395.203.663.224
141	1. Hàng tồn kho		352.843.625.550	405.146.066.555
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.141.792.918)	(9.942.403.331)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.807.202.699	14.179.081.835
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.286.586.104	1.865.361.448
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.409.537.034	12.197.194.543
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	111.079.561	116.525.844
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		61.518.551.919	66.231.978.076
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.347.671.000	2.292.570.865
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.347.671.000	2.292.570.865
220	II. Tài sản cố định		39.863.236.927	42.715.129.030
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	31.685.661.012	32.640.610.824
222	- Nguyên giá		139.748.050.525	134.904.943.580
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(108.062.389.513)	(102.264.332.756)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	2.694.854.794	4.399.160.770
225	- Nguyên giá		4.756.728.610	6.057.927.610
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.061.873.816)	(1.658.766.840)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	5.482.721.121	5.675.357.436
228	- Nguyên giá		9.261.423.802	9.086.423.802
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.778.702.681)	(3.411.066.366)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	1.777.244.503	2.201.532.548
231	- Nguyên giá		4.195.053.709	4.490.000.013
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.417.809.206)	(2.288.467.465)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		789.453.130	1.001.526.796
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	789.453.130	1.001.526.796
260	VI. Tài sản dài hạn khác		17.740.946.359	18.021.218.837
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	-17.740.946.359	18.021.218.837
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		609.999.656.106	722.791.627.161

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông,
quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày
31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2019	
			31/12/2019	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		379.573.280.536	506.329.414.906
310	I. Nợ ngắn hạn		364.526.788.203	488.072.699.734
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	185.689.935.317	282.457.089.435
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.750.429.548	944.073.711
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.331.686.786	1.686.270.191
314	4. Phải trả người lao động		20.739.831.066	27.730.829.848
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.419.160.713	122.132.259
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	12.664.889.171	14.330.871.168
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	126.572.944.944	159.052.131.356
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.357.910.658	1.749.301.766
330	II. Nợ dài hạn		15.046.492.333	18.256.715.172
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	2.830.554.000	3.429.254.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	7.459.132.440	8.258.962.436
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.b	4.756.805.893	6.568.498.736
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		230.426.375.570	216.462.212.255
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	230.426.375.570	216.462.212.255
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		105.300.000.000	105.300.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		105.300.000.000	105.300.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		782.715.818	782.715.818
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22	10.383.254.126	9.280.709.789
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		42.166.551.904	34.603.848.249
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		61.139.381.188	57.830.675.895
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		22.434.194.567	17.557.325.136
421b	LNST chưa phân phối năm nay		38.705.186.621	40.273.350.759
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		10.654.472.534	8.664.262.504
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		609.999.656.106	722.791.627.161

[Handwritten signatures]

Bùi Thị Diễm Phúc Bùi Thị Ánh Tuyết Nguyễn Quốc Dũng
Người lập Kế toán trưởng Giám đốc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông,
quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.263.391.602.805	1.275.434.170.002
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	28.988.934.588	34.298.883.811
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.234.402.668.217	1.241.135.286.191
11	4. Giá vốn hàng bán	26	974.357.552.395	1.020.485.046.883
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		260.045.115.822	220.650.239.308
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	5.157.968.219	6.059.751.288
22	7. Chi phí tài chính	28	31.382.069.459	26.644.770.333
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.002.103.890	8.299.275.050
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	29	158.067.935.994	125.949.174.745
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	31.773.891.121	31.715.648.128
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.979.187.467	42.400.397.390
31	12. Thu nhập khác	31	9.311.409.374	8.821.396.017
32	13. Chi phí khác	32	1.586.065.210	1.044.734.183
40	14. Lợi nhuận khác		7.725.344.164	7.776.661.834
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.704.531.631	50.177.059.224
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	14.582.265.449	10.133.642.374
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34.c	(2.522.339.489)	485.491.984
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		39.644.605.671	39.557.924.866
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		38.705.186.621	39.211.647.437
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		939.419.050	346.277.429
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	3.676	3.724



Bùi Thị Diễm Phúc
Người lập

Bùi Thị Anh Tuyết
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông,
quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		51.704.531.631	50.177.059.224
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.135.404.724	6.231.372.376
03	- Các khoản dự phòng		(3.065.713.490)	(8.269.723.545)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		168.304.016	(1.014.369.452)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.105.288.940)	(1.245.483.098)
06	- Chi phí lãi vay		8.002.103.890	8.299.275.050
07	- Các khoản điều chỉnh khác		1.218.427.236	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		66.057.769.067	54.178.130.555
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		39.846.984.944	23.066.944.434
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		52.514.060.590	67.661.606.742
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(97.647.478.419)	(195.505.946.825)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		394.359.030	148.619.067
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.902.660.989)	(8.179.302.791)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.395.775.896)	(7.655.717.511)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.562.731.155)	(4.425.577.913)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		39.304.527.172	(70.711.244.242)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.557.527.087)	(12.729.530.949)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		326.549.166	713.454.545
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		962.180.126	371.182.804
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.268.797.795)	(11.644.893.600)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		404.990.559.457	671.046.933.149
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(438.269.575.865)	(576.475.628.645)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(1.155.229.409)	(2.110.379.329)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.699.158.600)	(18.678.953.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(52.133.404.417)	73.781.971.975
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(17.097.675.040)	(8.574.165.867)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		62.463.771.738	70.528.073.514
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		801.828.882	509.864.091
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>46.167.925.580</u>	<u>62.463.771.738</u>



Bùi Thị Diễm Phúc
Người lập

Bùi Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11/01/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 105.300.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 105.300.000.000 đồng; tương đương 10.530.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đà Nẵng (*)	TP. Đà Nẵng	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Tháp (*)	Tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Bạc Liêu (*)	Tỉnh Bạc Liêu	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Kiên Giang (*)	Tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Trạm dịch vụ Bảo vệ thực vật	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Khánh Hòa (*)	Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Cần Thơ	TP. Cần Thơ	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Xí nghiệp Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Tân An (*)	Tỉnh Long An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh An Giang (*)	Tỉnh An Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Myanmar	TP. Yangon, Myanmar	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

(*) Công ty đã đăng ký tạm ngừng hoạt động thời hạn 01 năm đến hết tháng 07, 08/2020 đối với các chi nhánh này.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100%	100%	Kinh doanh thuốc Bảo vệ thực vật
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Cambodia	Vương Quốc Campuchia	100%	100%	Kinh doanh thuốc Bảo vệ thực vật
- Công ty CP Thương mại Mộc Hóa	Tỉnh Long An	61,74%	61,74%	Kinh doanh hàng nông sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn: Trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát tại Công ty cổ phần Thương mại Mộc Hóa thì đây là công ty liên kết của Công ty. Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư trước đây chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý mà xác định theo giá gốc. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào các chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân năm tài chính.

2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng BIDV, Ngân hàng Vietinbank;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng BIDV, Ngân hàng Vietinbank.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 09 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	05 năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Phương pháp kế toán đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế: Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.18 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí khuyến mãi, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi đo ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành đối với thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 tại các đơn vị như sau:

- Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa: thuế suất 20%;
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào: thuế suất 24%;
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia: thuế suất 01% trên doanh thu tính thuế.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

2.29 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Do lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh mà chỉ lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	9.431.680.156	21.479.518.546
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.396.310.789	29.984.253.192
Các khoản tương đương tiền (*)	8.339.934.635	11.000.000.000
	46.167.925.580	62.463.771.738

(*) Tại 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 8.339.934.635 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,5 %/năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

	31/12/2019		01/01/2019 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGÂN HẠN				
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Changzhou Eastchem International	5.918.208.000	-	2.963.712.000	-
- Đại lý Sear Kim Sru	1.922.292.872	-	9.060.099.484	-
- Đại lý Lâm Kwon Heng	2.854.496.824	-	2.669.914.080	-
- Đại lý Chiun Hong	853.307.900	-	6.987.744.948	-
- Công ty TNHH Giồng cây trồng Hải Anh - Phú Thọ	5.336.218.777	(5.336.218.777)	5.336.218.777	(5.336.218.777)
- Đại lý Phạm Thu Hà	4.733.283.318	(4.733.283.318)	4.733.283.318	(4.733.283.318)
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Thiên An	1.808.872.609	(1.266.210.826)	1.808.872.609	(904.436.304)
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Long Huy Bảo	3.275.568.294	(3.275.568.294)	3.275.568.294	(3.275.568.294)
- Đại lý Nguyễn Thanh Hùng	3.389.393.558	(3.389.393.558)	3.389.393.558	(3.389.393.558)
- Cửa hàng Phương Đông	2.337.674.089	(2.337.674.089)	2.337.674.089	(2.337.674.089)
- Cửa hàng bách hóa Nutifood	2.209.574	-	2.033.998.247	-
- Đại lý Đào Ngọc Long (*)	2.025.068.200	-	2.025.068.200	-
- Hộ kinh doanh Sơn Hải	2.623.130.000	-	2.713.130.000	(511.845.900)
- Đinh Thị Kim Hồng	1.129.302.400	-	1.121.622.400	-
- Shopping Centre Kiến Tường	5.089.117	-	218.152.942	-
- Phải thu khách hàng khác	112.604.973.405	(4.827.785.024)	139.546.714.432	(5.540.174.009)
	150.819.088.937	(25.166.133.886)	190.221.167.378	(26.028.594.249)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	5.892.117	-	218.152.942	-

(*) Đây là khoản công nợ phải thu phát sinh tại Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty con đang nắm giữ quyền sử dụng đất bao gồm 35.340 m2 đất (gồm 80 m2 đất ở tại nông thôn và 35.260 m2 đất chuyên trồng lúa nước) giao cho 2 cá nhân là Ông Nguyễn Văn Tiếp (nguyên Giám đốc Công ty) và Ông Nguyễn Văn Bé Hai là Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo biên bản phân công người quản lý tài sản của Công ty ngày 01/04/2015 và ngày 11/12/2017. Đây là toàn bộ diện tích đất được Đại lý Đào Ngọc Long chuyển nhượng để nghỉ cần trả nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Trả trước tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*)	3.726.202.000	-	3.726.202.000	-
- Công ty TNHH Thương mại - Kỹ thuật Song Hiệp Lợi	1.121.612.800	-	1.110.185.560	-
- Close Friend Co., Ltd	419.760.000	-	419.760.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.892.100.067	(160.400.000)	2.280.063.249	(160.400.000)
	7.159.674.867	(160.400.000)	7.536.210.809	(160.400.000)

(*) Công ty con - Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa trả trước tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng các khu đất nông nghiệp cho cá nhân để thực hiện đầu tư dự án khu liên hiệp nông nghiệp. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được Công ty nắm giữ và Công ty đang hoàn tất các thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất sang tên Công ty.

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.492.872	-	-	-
- Tạm ứng	2.225.218.606	-	2.726.876.825	(33.715.532)
- Ký cược, ký quỹ	314.746.728	-	126.802.664	-
- Phải thu khuyến mãi	3.258.607.800	-	2.435.800.800	-
- Nguyễn Văn Giúp	3.485.588.985	(3.485.588.985)	3.485.588.985	(3.321.360.485)
- Thuế GTGT được hoàn	9.278.649.971	-	-	-
- Phải thu hợp tác kinh doanh (*)	2.097.622.052	-	4.062.243.971	-
- Phải thu khác	1.819.554.059	(102.762.327)	3.411.463.051	(56.105.968)
	22.508.481.073	(3.588.351.312)	16.248.776.296	(3.411.181.985)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	1.347.671.000	-	2.292.570.865	-
	1.347.671.000	-	2.292.570.865	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(*) Đây là khoản phải thu về hợp tác kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa, bao gồm:
(1) Khoản góp vốn liên doanh vào Hộ kinh doanh Shopping Centre Kiến Tường theo Hợp đồng Liên doanh số 02.2013/HDLD ngày 19/08/2013 và Phụ lục Hợp đồng liên doanh số 01/PLHD.2014 ký ngày 01/12/2014, biên bản làm việc ngày 31/12/2019 với số tiền góp vốn còn lại là 983.231.199 đồng. Mục đích kinh doanh bách hóa, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh.
(2) Khoản góp vốn liên doanh vào Cơ sở sản xuất Nước Việt theo Hợp đồng liên doanh số 2.2015/HDLD ký ngày 15/10/2015, Phụ lục hợp đồng số 01.2016/PLHD ngày 01/12/2016 với số tiền góp vốn còn lại là 1.140.283.782 đồng. Mục đích kinh doanh sản xuất nước đá, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh.

7 . TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2019	01/01/2019
	Giá trị VND	Giá trị VND
- Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý	231.783.597	202.142.032
- Tài sản khác	-	21.527.233
	231.783.597	223.669.265

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Thiên An	1.808.872.609	542.661.783	1.808.872.609	904.436.305
- Công ty TNHH Giống cây trồng Hải Anh - Phú Thọ	5.336.218.777	-	5.336.218.777	-
- Đại lý Phạm Thu Hà	4.733.283.318	-	4.733.283.318	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Long Huy Bảo	3.275.568.294	-	3.275.568.294	-
- Đại lý Nguyễn Thanh Hùng	3.389.393.558	-	3.389.393.558	-
- Cửa hàng Phương Đông	2.337.674.089	-	2.337.674.089	-
- Nguyễn Văn Giúp	3.485.588.985	-	3.485.588.985	-
- Đại lý Đào Ngọc Long	2.025.068.200	2.025.068.200	2.025.068.200	2.025.068.200
- Các khoản khác	6.398.192.750	1.307.245.399	44.023.879.938	37.885.867.029
	32.789.860.580	3.874.975.382	70.415.547.768	40.815.371.534

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	11.287.894.977	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	79.653.724.305	-	143.396.984.190	-
Công cụ, dụng cụ	310.623.120	-	384.644.754	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.322.500	-	-	-
Thành phẩm	203.885.227.723	(6.798.270.072)	194.940.009.152	(9.942.403.331)
Hàng hoá	57.596.510.954	(343.522.846)	66.424.428.459	-
Hàng gửi đi bán	21.321.971	-	-	-
	352.843.625.550	(7.141.792.918)	405.146.066.555	(9.942.403.331)

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 3.114.047.803 đồng;

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: hàng tồn kho mất phẩm chất chủ yếu là hàng cận hạn, quá hạn sử dụng, hàng hư hỏng (bể chai, bao bì bị bục xỉ...). Các hàng tồn kho là hóa chất sẽ được Công ty thuê ngoài để xử lý đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên môi trường về xử lý chất thải nguy hại, riêng đối với các công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu khác sẽ được Công ty tận dụng hoặc bán thanh lý;

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là 289.239.545.082 VND (xem thuyết minh số 20 - Vay và nợ thuê tài chính).

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Mua sắm	86.100.000	185.552.990
- Máy móc thiết bị	86.100.000	185.552.990
Xây dựng cơ bản dở dang	634.574.430	815.973.806
- Dự án kho Long An	407.320.574	407.320.574
- Dự án kho mở rộng Cần Thơ	158.386.306	158.386.306
- Công trình phục vụ nông nghiệp dự án 7,3 ha, khu phố 10, phường 12, thị xã Kiến Tường	68.867.550	68.867.550
- Chi phí sửa chữa văn phòng công ty	-	181.399.376
- Tài sản khác	68.778.700	-
	789.453.130	1.001.526.796

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm (Đã điều chỉnh)	62.778.401.499	36.984.573.804	30.819.132.884	30.819.132.884	3.050.645.697	3.050.645.697	1.272.189.696	1.272.189.696	134.904.943.580	134.904.943.580	
- Mua trong năm	1.596.319.695	2.440.222.945	1.558.058.113	1.558.058.113	-	-	-	-	3.998.281.058	3.998.281.058	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	1.596.319.695	1.596.319.695	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	1.301.199.000	(84.983.098)	(84.983.098)	-	-	-	-	1.301.199.000	1.301.199.000	
- Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo	-	(2.039.881)	(650.073.522)	(650.073.522)	-	-	-	-	(87.022.979)	(87.022.979)	
- Thanh lý, nhượng bán	(307.000.000)	(562.556.678)	(650.073.522)	(650.073.522)	(446.039.629)	(446.039.629)	-	-	(1.965.669.829)	(1.965.669.829)	
Số dư cuối năm	64.067.721.194	40.161.399.190	31.642.134.377	31.642.134.377	2.604.606.068	2.604.606.068	1.272.189.696	1.272.189.696	139.748.050.525	139.748.050.525	
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm (Đã điều chỉnh)	42.178.406.476	30.744.981.930	25.225.416.104	25.225.416.104	2.890.423.729	2.890.423.729	1.225.104.517	1.225.104.517	102.264.332.756	102.264.332.756	
- Khấu hao trong năm	3.108.677.400	1.948.272.128	1.819.527.799	1.819.527.799	43.047.120	43.047.120	29.355.552	29.355.552	6.948.879.999	6.948.879.999	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	661.069.927	-	-	-	-	-	-	661.069.927	661.069.927	
- Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo	-	(2.039.881)	(91.494.764)	(91.494.764)	-	-	-	-	(93.534.645)	(93.534.645)	
- Thanh lý, nhượng bán	(86.983.339)	(535.262.034)	(650.073.522)	(650.073.522)	(446.039.629)	(446.039.629)	-	-	(1.718.358.524)	(1.718.358.524)	
Số dư cuối năm	45.200.100.537	32.817.022.070	26.303.375.617	26.303.375.617	2.487.431.220	2.487.431.220	1.254.460.069	1.254.460.069	108.062.389.515	108.062.389.515	
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu năm	20.599.995.023	6.239.591.874	5.593.716.780	5.593.716.780	160.221.968	160.221.968	47.085.179	47.085.179	32.640.610.824	32.640.610.824	
Tại ngày cuối năm	18.867.620.657	7.344.377.120	5.338.758.760	5.338.758.760	117.174.848	117.174.848	17.729.627	17.729.627	31.685.661.012	31.685.661.012	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.546.142.212 đồng;

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 79.595.933.750 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.023.813.590	3.034.114.020	6.057.927.610
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.301.199.000)	-	(1.301.199.000)
Số dư cuối năm	1.722.614.590	3.034.114.020	4.756.728.610
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.355.355.450	303.411.390	1.658.766.840
- Trích khấu hao	457.354.123	606.822.780	1.064.176.903
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(661.069.927)	-	(661.069.927)
Số dư cuối năm	1.151.639.646	910.234.170	2.061.873.816
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.668.458.140	2.730.702.630	4.399.160.770
Tại ngày cuối năm	570.974.944	2.123.879.850	2.694.854.794

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	7.999.969.934	553.278.868	533.175.000	9.086.423.802
- Mua trong năm	-	175.000.000	-	175.000.000
Số dư cuối năm	7.999.969.934	728.278.868	533.175.000	9.261.423.802
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.324.612.498	553.278.868	533.175.000	3.411.066.366
- Khấu hao trong năm	364.719.648	2.916.667	-	367.636.315
Số dư cuối năm	2.689.332.146	556.195.535	533.175.000	3.778.702.681
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	5.675.357.436	-	-	5.675.357.436
Tại ngày cuối năm	5.310.637.788	172.083.333	-	5.482.721.121

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1,086,453,868 VND.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là Nhà cửa vật kiến trúc tại Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào đang cho thuê với nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2019 lần lượt là: 4.195.053.709 VND và 2.417.809.206 VND. Trong đó, khấu hao trong năm là 290.022.715 VND, chênh lệch do chuyển đổi BCTC là (160.680.974) đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	354.068.797	765.897.635
Chi phí bảo hiểm	355.158.000	604.672.537
Chi phí thuê kho	493.197.000	166.772.754
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	84.162.307	328.018.522
	1.286.586.104	1.865.361.448
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất Hiệp Phước (*)	14.405.352.671	14.870.041.463
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	233.867.968	240.634.197
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.465.281.487	1.840.392.577
Chi phí cải tạo đất thuê tại Lào	457.263.123	522.039.952
Chi phí trả trước dài hạn khác	179.181.110	548.110.648
	17.740.946.359	18.021.218.837

(*) Đây là khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 42.123 m2 thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 80/HĐTD.05 ngày 27/06/2015 và Phụ lục hợp đồng số 09 ngày 28/07/2008 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 06 năm 2005.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Kolon Global Corporation	15.535.778.496	15.535.778.496	10.674.563.200	10.674.563.200
- Nongfeng Agrochem Co.,Ltd	-	-	31.877.007	31.877.007
- Changzhou Eastchem International	14.712.649.056	14.712.649.056	25.935.562.200	25.935.562.200
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Nam Long Phát	13.354.838.395	13.354.838.395	22.041.494.189	22.041.494.189
- Forward International LTD	-	-	964.709.000	964.709.000
- Long Fat Global Co., LTD	-	-	2.398.499.034	2.398.499.034
- Novatic Chem Co., Ltd	59.702.552.220	59.702.552.220	117.449.252.700	117.449.252.700
- Jiangsu Sinamyang International Group Co.,Ltd	20.706.801.200	20.706.801.200	8.624.963.380	8.624.963.380
- Công ty TNHH UPL Việt Nam	626.860.500	626.860.500	3.897.326.685	3.897.326.685
- Chi nhánh I - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nhật Tiến	5.723.131.779	5.723.131.779	9.232.922.339	9.232.922.339
- Yongnong Biosciences Co.,Ltd	3.322.247.040	3.322.247.040	1.710.905.600	1.710.905.600
- Ancom Crop Care SDN BHD	1.737.595.125	1.737.595.125	2.285.662.950	2.285.662.950
- Công ty CP Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	-	-	1.613.865.640	1.613.865.640
- Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	692.444.711	692.444.711
- Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	1.864.943.534	1.864.943.534
- Phải trả các đối tượng khác	50.267.481.506	50.267.481.506	73.038.097.266	73.038.097.266
	185.689.935.317	185.689.935.317	282.457.089.435	282.457.089.435
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh số 41)	176.047.215	176.047.215	11.208.944	11.208.944

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND		Số phải nộp đầu năm VND		Số phải nộp trong năm VND		Số đã thực nộp trong năm VND		CLTG do chuyển đổi BCTC VND		Số phải thu cuối năm VND		Số phải nộp cuối năm VND	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	386.685.605	26.427.542.132	26.288.318.365	(1.368.081)	524.541.291	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	955.294.480	955.294.480	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	879.127.525	14.582.265.449	10.395.775.896	(2.146.132)	5.063.470.946	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	116.525.844	418.533.061	3.904.825.224	3.639.137.528	(6.372.133)	672.402.341	-	-	111.079.561	-	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	1.924.000	2.778.729.042	2.780.653.042	-	-	-	-	(1.207.103)	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	139.782.494	67.303.183	(1.207.103)	71.272.208	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	116.525.844	1.686.270.191	48.800.438.821	44.138.482.494	(11.093.449)	6.331.686.786	111.079.561	111.079.561	(11.093.449)	111.079.561	6.331.686.786	111.079.561	6.331.686.786	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Chi phí lãi vay	221.575.160	122.132.259
- Trích trước chi phí chiết khấu, khuyến mãi	4.197.585.553	-
	4.419.160.713	122.132.259

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	145.765.018	78.700.546
- Kinh phí công đoàn	211.604.084	420.154.989
- Bảo hiểm xã hội	44.817.711	515.217.629
- Phải trả về các chương trình bán hàng	4.676.839.667	4.171.482.091
- Phải trả lãi kỳ quỹ	151.031.762	284.304.641
- Phải trả về hỗ trợ phí vận chuyển, thanh toán	256.521.730	35.967.399
- Phải trả chiết khấu thanh toán	1.244.164.918	266.280.665
- Phải trả CBCNV tiền bồi dưỡng độc hại	230.599.358	581.627.307
- Phải trả về nhận đổi hàng cho khách hàng	3.038.756.163	1.820.826.941
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	934.396.650	732.555.250
- Shopping Center Kiến Tường	65.091.456	2.225.055.329
- Phạm Minh Tuấn	-	1.109.391.260
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.665.300.654	2.089.307.121
	12.664.889.171	14.330.871.168
b) Dài hạn		
- Nhận kỳ quỹ, ký cược dài hạn	2.830.554.000	3.429.254.000
	2.830.554.000	3.429.254.000
d) Phải trả khác là các bên liên quan	430.026.089	2.642.493.647

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn				
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	156.519.901.947	156.519.901.947	403.823.919.457	435.623.326.456
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC ⁽¹⁾	-	-	23.284.647.950	15.678.678.350
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ⁽²⁾	41.587.780.000	41.587.780.000	101.235.758.377	93.674.051.657
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 thành phố Hồ Chí Minh ⁽³⁾	34.035.392.400	34.035.392.400	110.787.760.210	104.879.959.610
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁴⁾	46.706.628.968	46.706.628.968	32.709.366.100	72.702.606.468
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Mộc Hóa - Chi nhánh Long An ⁽⁵⁾	34.190.100.579	34.190.100.579	125.964.087.423	148.688.030.371
- Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ⁽⁶⁾	-	-	9.842.299.397	-
Vay cá nhân⁽⁷⁾	70.000.000	70.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.462.229.409	2.462.229.409	1.966.469.996	2.646.249.409
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ⁽⁸⁾	1.316.000.000	1.316.000.000	1.491.020.000	1.491.020.000
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽⁹⁾	1.146.229.409	1.146.229.409	475.449.996	1.155.229.409
	159.052.131.356	159.052.131.356	405.790.389.453	438.269.575.865
	159.052.131.356	159.052.131.356	405.790.389.453	438.269.575.865

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

 CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
 Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn và nợ thuế tài chính dài hạn				
Vay dài hạn	8.050.000.000	8.050.000.000	1.166.640.000	1.491.020.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (8)	8.050.000.000	8.050.000.000	1.166.640.000	1.491.020.000
Nợ thuế tài chính dài hạn	2.671.191.845	2.671.191.845	-	1.155.229.409
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (9)	2.671.191.845	2.671.191.845	-	1.155.229.409
	10.721.191.845	10.721.191.845	1.166.640.000	2.646.249.409
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.462.229.409)	(2.462.229.409)	(1.966.469.996)	(2.646.249.409)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	8.258.962.436	8.258.962.436		7.459.132.440
c) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan				
Ông Nguyễn Quốc Dũng			54.000.000	
			54.000.000	

 Trong năm
 Tăng

	01/01/2019		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
			54.000.000	
			54.000.000	

Giám đốc Công ty

32

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 152626 ngày 18 tháng 5 năm 2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- Tổng hạn mức tiện ích là 7.000.000 USD và 1.350.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: tài trợ tiện ích nhập khẩu và thẻ tín dụng HSBC;
 - Lãi suất cho vay: theo từng khoản vay;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 7.605.969.600 VND.
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp hàng tồn kho tại từng thời điểm theo hợp đồng VNM 091059/MS sửa đổi lần thứ 4 ngày 02/12/2014 và cầm cố tiền gửi theo hợp đồng cầm cố số VNM 110716/DUL.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 700-LAV-201801577 ngày 24/10/2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 49.149.486.720 VND.
 - Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số 1700-LCL-201500653-01 ngày 12/10/2016. Giá trị tài sản là 89.820.000.000 đồng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 266/2018-HDCVHM/NHCT902-SPC ngày 24/12/2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 39.943.193.000 VND.
 - Hình thức đảm bảo: quyền tài sản theo hợp đồng số 172/2015-HDTC/NHCT902-SPC ngày 30/09/2015; quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 025/2014/HĐTC-KHDN ngày 07/05/2014; quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 101/2013-HĐTC-KHDN;
- (4) Văn bản số 846/2019/5778006/HĐTD ngày 27 tháng 05 năm 2019 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 383/2014/5778006/HĐ ngày 28/04/2014 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C;
 - Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 6.713.388.600 VND.
 - Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- (5) Hợp đồng cho vay hạn mức số 1967/2019-HDCVHM/NHCT700 - MJC ngày 07/06/2019 và Phụ lục I Hợp đồng, với các điều khoản chi tiết như sau:
- Hạn mức cho vay: 45.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 1867/2018-HDCVHM/NHCT700-MJC ngày 07/08/2018 theo liệt kê chi tiết tại Phụ lục I Hợp đồng;
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh các mặt hàng xăng dầu, bách hóa tổng hợp, vật tư nông nghiệp;
 - Thời hạn cho vay: Theo từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không 06 tháng đối với cho vay kinh doanh vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc BVTV) và 03 tháng đối với cho vay kinh doanh xăng dầu, bách hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 11.466.157.631 VND;
- Hình thức đảm bảo:
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 862262, sổ vào sổ cấp giấy: T 000013 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 21/05/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 21/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 12/05/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.01/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.01.BBĐGL ngày 03/06/2019;
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 862263, sổ vào sổ cấp giấy: T 000010 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 21/05/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 22/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 12/05/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.02/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.02.BBĐGL ngày 03/06/2019;
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 862395, sổ vào sổ cấp giấy: T 00007QSĐĐ/1201-LA do UBND tỉnh Long An cấp ngày 01/02/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà kho số 19/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 12/05/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.03/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018;
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065297, sổ vào sổ cấp giấy: T 00001 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 14/02/2005 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 05/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 25/01/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.04/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.04.BBĐGL ngày 03/06/2019;
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 111029, sổ vào sổ cấp giấy: CT 04146 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 22/02/2011 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.053/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.05.BBĐGL ngày 03/06/2019;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004023 do Công An tỉnh Long An cấp ngày 24/07/2009, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 2400/ĐK do sở GTVT tỉnh Long An cấp ngày 25/03/2010, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 2401/ĐK do sở GTVT tỉnh Long An cấp ngày 28/05/2010 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 1867.06/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018.

(6) Hợp đồng tín dụng số HDTD.010/SCB.HCM/2019 ngày 02/08/2019 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 4.000.000 USD;
- Mục đích vay: Cung cấp tài chính cho việc mua hoặc nhập khẩu hàng hóa cần thiết cho hoạt động kinh doanh thông thường, bảo lãnh mở L/C;
- Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ;
- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp hàng tồn kho với giá trị ít nhất bằng 2.000.000 USD và hợp đồng các khoản phải thu với giá trị ít nhất bằng 2.000.000 USD;
- Số dư tại ngày 31/12/2019: 9.842.299.397 VND.

(7) Khoản vay các cá nhân có lãi suất 08%/năm, hình thức đảm bảo: tin chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(8) Hợp đồng tín dụng 1700-LAV-201701181 ngày 28/08/2017 (kèm theo hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02 ngày 06/12/2018 gia hạn thời gian giải ngân vốn cho vay đến hết ngày 28/02/2019) với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 11.700.000.000 đồng;
- Mục đích vay: xây dựng kho thành phẩm 36m x 78m tại lô C1-C3, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 7.725.620.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 1.316.000.000 VND.
- Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành trong tương lai theo hợp đồng số 1700-LCL-201701010 ngày 28/08/2017. Giá trị tài sản là 16.770.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

(9) Hợp đồng cho thuê tài chính số 2018-00012-000 ngày 23/02/2018 với các điều khoản chi tiết sau:

- Bên cho thuê: Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam;
- Tài sản thuê: xe Ford Ranger 4x2 XLS MT;
- Tổng giá trị hợp đồng: 3.322.350.000 đồng;
- Thời hạn thanh toán: thanh toán theo lịch trả nợ;
- Số dư tại ngày 31/12/2019 là: 1.515.962.436 đồng, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 466.449.996 đồng.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (Đã điều chỉnh)	105.300.000.000	782.715.818	8.455.532.463	27.548.934.866	49.251.830.726	9.894.133.241	201.933.147.114							
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	39.211.647.437	346.277.429	39.557.924.866							
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(18.206.470.000)							
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.123.614.414	(7.123.614.414)	-	(7.063.767.053)							
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.063.767.053)	-	-							
Hợp nhất kinh doanh	-	-	(988.210.475)	(68.701.031)	1.644.849.198	(1.671.659.839)	(7.063.767.053)							
Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(583.799.999)	-	-							
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-	1.813.387.801	-	-	-	-							
Số dư cuối năm trước	105.300.000.000	782.715.818	9.280.709.789	34.603.848.249	57.830.675.895	8.664.262.504	216.462.212.255							
Số dư đầu năm nay (Đã điều chỉnh)	105.300.000.000	782.715.818	9.280.709.789	34.603.848.249	57.830.675.895	8.664.262.504	216.462.212.255							
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	38.705.186.621	939.419.050	39.644.605.671							
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(17.901.000.000)	-	(17.901.000.000)							
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.562.703.655	(7.569.540.047)	6.836.392	-							
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.569.540.047)	-	-							
Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(601.800.000)	-	-							
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-	1.252.318.062	-	-	-	-							
Điều chỉnh khác	-	-	(149.773.725)	-	(1.754.601.234)	1.043.954.588	(860.420.371)							
Số dư cuối năm nay	105.300.000.000	782.715.818	10.383.254.126	42.166.551.904	61.139.381.188	10.654.472.534	230.426.375.570							

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 09/NQ-DHĐCĐ ngày 19/04/2019 tại Công ty mẹ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ-DHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2019 tại Công ty con, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tại Công ty mẹ		Tại Công ty con	
	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	37.890.369.702	100,00%	261.761.068
Trích Quỹ đầu tư phát triển	19,93%	7.551.673.940	6,83%	17.866.107
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19,93%	7.551.673.940	6,83%	17.866.107
Chia cổ tức	47,24%	17.901.000.000	0,00%	-
Thủ lao từ HĐQT và Ban kiểm soát	1,30%	492.000.000	41,95%	109.800.000
Lợi nhuận chưa phân phối	11,60%	4.394.021.822	44,40%	116.228.854

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
- Vốn góp của Công ty mẹ - Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - Công ty TNHH MTV	59,33%	62.470.000.000	59,33%	62.470.000.000
- Các cổ đông khác	40,67%	42.830.000.000	40,67%	42.830.000.000
100%		105.300.000.000	100%	105.300.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019		Năm 2018	
	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	105.300.000.000	105.300.000.000	105.300.000.000	105.300.000.000
- Vốn góp đầu năm	105.300.000.000	105.300.000.000	105.300.000.000	105.300.000.000
- Vốn góp cuối năm				
Cổ tức, lợi nhuận				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	732.555.250	938.157.000		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.901.000.000	17.901.000.000		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(17.699.158.600)	(18.106.601.750)		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(17.699.158.600)	(18.106.601.750)		
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	934.396.650	732.555.250		

d) Cổ phiếu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.530.000	10.530.000	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	10.530.000	10.530.000	10.530.000	10.530.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.530.000	10.530.000	10.530.000	10.530.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000	10.530.000	10.530.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

d) Cổ tức	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	7.371.000.000	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	7.371.000.000	-
	7.371.000.000	-

e) Các quỹ công ty	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	42.166.551.904	34.603.848.249
	42.166.551.904	34.603.848.249

22 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	9.280.709.789	8.455.532.463
Số tăng trong năm	1.102.544.337	825.177.326
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	1.102.544.337	825.177.326
Số dư cuối năm	10.383.254.126	9.280.709.789
	10.383.254.126	9.280.709.789

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài
Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.074.272.734	1.094.968.192
- Trên 1 năm đến 5 năm	586.363.640	1.508.181.828
	1.660.636.374	2.603.150.020

b) Tài sản thuê ngoài
Công ty thuê tài sản là văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.118.181.818	1.732.690.909
- Trên 1 năm đến 5 năm	1.552.545.455	889.500.000
	2.670.727.273	2.622.190.909

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Tài sản thuê ngoài (tiếp theo)

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại các địa điểm sau:

- Hợp đồng thuê đất tại phường Tân Thuận Đông, Quận 7 để sử dụng với mục đích xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho hàng và trạm xử lý chất thải. Diện tích khu đất thuê là 16.754 m². Đối với diện tích 15.496 m² không thuộc phạm vi lô giới, thời hạn thuê kể từ ngày 25/07/2000 đến ngày 01/01/2046; đối với diện tích 1.258 m² thuộc phạm vi lô giới, thời hạn thuê kể từ ngày 25/07/2000 cho đến khi Nhà nước thực hiện mở rộng đường theo quy hoạch. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại thành phố Pleiku để sử dụng với mục đích xây dựng Trung tâm điều hành siêu thị nông nghiệp với thời hạn 50 năm kể từ ngày 24/11/2015. Diện tích khu đất thuê là 10.690 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một hoặc hai lần mỗi năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại thành phố Cần Thơ để sử dụng với mục đích xây dựng nhà xưởng phân phối nông được với thời hạn thuê kể từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 01/10/2045. Diện tích khu đất thuê là 3.640,5 m². Theo hợp đồng này, Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất Hiệp Phước với diện tích 42.123 m² thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2005. Tiền thuê đất trả trước một lần vào thời điểm thuê.

- Hợp đồng thuê nhà ở và bãi đậu xe số 01.2019/HĐ.THUE ngày 06/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (bên thuê) và Bà Huỳnh Thị Huệ (bên cho thuê). Theo đó bên cho thuê đồng ý cho bên thuê thuê nhà ở và đất để làm bãi đậu xe, địa chỉ Khu phố 3, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Thời hạn thuê từ ngày 20/01/2019 đến hết ngày 19/01/2020. Tổng diện tích là 250 m². Giá thuê cố định 84.000.000 đồng/năm. Thanh toán 100% số tiền thuê sau khi hoàn tất các thủ tục bán giao.

- Hợp đồng thuê kho số 91/HĐTMB - MJC ngày 01/01/2018 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (bên thuê) và Bà Huỳnh Thị Ánh (bên cho thuê) và phụ lục hợp đồng thuê kho số 234 PLHĐTK - MJC ngày 29/08/2019. Theo đó bên cho thuê đồng ý cho bên thuê thuê kho để làm kho chứa các sản phẩm thuốc Bảo vệ thực vật và làm văn phòng, địa chỉ: Quốc lộ 62, khu phố 6, phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Thời hạn cho thuê từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2021. Tổng diện tích là 172 m². Đơn giá thuê 10.000.000 đồng/tháng. Thanh toán 2 đợt: đợt 1 vào ngày 01/01 hàng năm; đợt 2 vào ngày 01/07 hàng năm.

- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-2019/HĐTN/SPC-CBD/PP ngày 01/01/2019 tại căn nhà Villa, Số 225GB, phố 3, đường Vi Thylay, phường Chrouy Changwa, thủ đô Phnom Penh, Cambodia. Theo hợp đồng thuê này, Công ty phải trả tiền thuê văn phòng hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng.

c) Ngoại tệ các loại	31/12/2019	01/01/2019
	- Đồng đô la Mỹ (USD)	257.442,48

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công ty TNHH Vĩnh Hiến	21.224.845	21.224.845
- Hợp tác xã Thịnh Phát	26.018.647	26.018.647
- Cửa hàng Văn Xinh	66.238.251	66.238.251
- Ông Trần Hoàng Nam	26.000.000	26.000.000
- Ông Giang Minh Tường	17.147.520	17.147.520
- Ông Đinh Đoàn Đơn Vương	12.975.674	12.975.674
- Ông Lê Thanh Tùng	12.339.549	12.339.549
- Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Minh Trí	21.889.448	21.889.448
- Các đối tượng khác	673.359.001	464.790.627

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng này không còn tài sản để thu hồi.

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.258.388.626.664	1.272.128.494.373
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.002.976.141	3.305.675.629
	1.263.391.602.805	1.275.434.170.002
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	2.009.732.195	1.809.754.636

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	25.081.009.067	23.077.894.118
Hàng bán bị trả lại	1.137.120.880	10.374.711.161
Giảm giá hàng bán	2.770.804.641	846.278.532
	28.988.934.588	34.298.883.811

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	971.948.588.716	1.028.869.731.538
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	25.903.126	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.973.238.962	1.893.114.772
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.590.178.409)	(10.277.799.427)
	974.357.552.395	1.020.485.046.883

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	990.672.998	351.575.104
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	153.559.904	619.060.573
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.916.376.065	3.055.426.183
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.080.824.016	1.927.211.848
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.535.236	106.477.580
	5.157.968.219	6.059.751.288

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay và thuê tài chính	8.002.103.890	8.299.275.050
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	17.571.334.833	7.560.973.171
Lãi nhận ký quỹ, ký cược	138.611.479	166.088.111
Kết quả kinh doanh BCC	(35.378.081)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.456.269.306	9.771.454.560
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.249.128.032	912.842.396
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(126.446.280)
Chi phí tài chính khác	-	60.583.325
	31.382.069.459	26.644.770.333

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.423.070.362	15.246.694.840
Chi phí nhân công	69.641.563.904	62.829.074.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.442.492.020	1.164.947.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.048.373.402	22.303.036.291
Chi phí khác bằng tiền	41.512.436.306	24.405.421.151
	158.067.935.994	125.949.174.745

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.475.407.425	1.841.035.845
Chi phí nhân công	13.948.037.222	13.808.001.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	632.024.737	1.282.679.453
Thuế, phí, lệ phí	446.771.700	429.318.903
(Hoàn nhập) / Chi phí dự phòng	(474.642.437)	2.120.537.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.470.022.989	4.908.678.042
Chi phí khác bằng tiền	10.276.269.485	7.325.397.012
	31.773.891.121	31.715.648.128

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	79.237.861	222.716.493
Thu nhập từ chiết khấu thương mại	379.442.010	633.533.563
Thu nhập từ bán phuy	4.965.909.098	5.065.454.550
Thu nhập bán phế liệu	58.508.640	-
Thu nhập cho thuê kho bãi	2.247.045.297	1.815.889.673
Thu tiền bồi thường đi dời Trạm xăng dầu số 01	-	63.636.364
Thu nhập khác	1.581.266.468	1.020.165.374
	9.311.409.374	8.821.396.017

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	755.893.568
Chi phí xử lý, tiêu hủy sản phẩm hư hỏng, kém phẩm chất	975.025.404	-
Các khoản bị phạt	423.325.338	158.086.941
Chi phí khác	187.714.468	130.753.674
	1.586.065.210	1.044.734.183

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	10.631.344.529	7.291.802.661
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại (các) Công ty con	3.950.920.920	2.841.839.713
- Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Cambodia	3.281.801.692	2.738.659.386
- Công ty CP Thương mại Mộc Hóa	669.119.228	103.180.327
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	14.582.265.449	10.133.642.374

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%		20%	
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	616.291.296		1.462.403.898	
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(616.291.296)		(1.462.403.898)	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-		-	
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%		20%	
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.373.097.189		8.030.902.634	
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(616.291.296)		(1.462.403.898)	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.756.805.893		6.568.498.736	

42

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	497.995.459	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.462.403.898	1.503.795.358
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	(616.291.296)	(1.018.303.374)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.866.447.550)	-
	(2.522.339.489)	485.491.984

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	38.705.186.621	39.211.647.437
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	38.705.186.621	39.211.647.437
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.530.000	10.530.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.676	3.724

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	686.647.267.794	969.769.526.540
Chi phí nhân công	99.113.338.032	94.523.519.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.670.715.932	6.640.757.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.533.844.498	35.269.255.640
Chi phí khác bằng tiền	63.265.623.591	43.477.214.762
	891.230.789.847	1.149.680.273.949

43

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.167.925.580	-	62.463.771.738	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	174.675.241.010	(28.754.485.198)	208.762.514.539	(29.439.776.234)
	<u>220.843.166.590</u>	<u>(28.754.485.198)</u>	<u>271.226.286.277</u>	<u>(29.439.776.234)</u>
			Giá trị số kế toán	
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			134.032.077.384	167.311.093.792
Phải trả người bán, phải trả khác			201.185.378.488	300.217.214.603
Chi phí phải trả			4.419.160.713	122.132.259
			<u>339.636.616.585</u>	<u>467.650.440.654</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.167.925.580	-	-	46.167.925.580
Phải thu khách hàng, phải thu khác	144.573.084.812	1.347.671.000	-	145.920.755.812
	<u>190.741.010.392</u>	<u>1.347.671.000</u>	<u>-</u>	<u>192.088.681.392</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.463.771.738	-	-	62.463.771.738
Phải thu khách hàng, phải thu khác	177.030.167.440	2.292.570.865	-	179.322.738.305
	<u>239.493.939.178</u>	<u>2.292.570.865</u>	<u>-</u>	<u>241.786.510.043</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	126.572.944.944	7.459.132.440	-	134.032.077.384
Phải trả người bán, phải trả khác	198.354.824.488	2.830.554.000	-	201.185.378.488
Chi phí phải trả	4.419.160.713	-	-	4.419.160.713
	<u>329.346.930.145</u>	<u>10.289.686.440</u>	<u>-</u>	<u>339.636.616.585</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	159.052.131.356	8.258.962.436	-	167.311.093.792
Phải trả người bán, phải trả khác	296.787.960.603	3.429.254.000	-	300.217.214.603
Chi phí phải trả	122.132.259	-	-	122.132.259
	<u>455.962.224.218</u>	<u>11.688.216.436</u>	<u>-</u>	<u>467.650.440.654</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	404.990.559.457	671.046.933.149

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(438.269.575.865)	(576.475.628.645)

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết số 02/NQ-BVTVSG-HDQT ngày 24/02/2020, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019 với tỷ lệ 7% (700 đồng/ 1 cổ phần). Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 13/03/2020, ngày thanh toán là ngày 13/04/2020.

Ngoài các sự kiện đã được công bố trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN
Theo khu vực địa lý

	Việt Nam		Cambodia		Lào		Các quốc gia khác		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	974.846.097.113	254.161.857.227	5.394.713.877	8.458.094.588	1.234.402.668.217					
Tài sản bộ phận	540.800.832.882	60.859.069.815	8.339.753.409	-	609.999.656.106					
Tổng chi phí mua TSCĐ	4.211.542.640	1.558.058.113	-	-	5.769.600.753					

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Tên đơn vị	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
- Shopping Centre Kiến Tường	Bên liên doanh
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	Bên liên doanh
- Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi trả cổ tức	10.619.934.000	4.372.914.000
- Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	10.619.934.000	4.372.914.000
Bán hàng	2.009.732.195	1.809.754.636
- Shopping Centre Kiến Tường	1.988.191.077	1.809.754.636
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	21.541.118	-
Mua hàng	-	143.110.129
- Shopping Centre Kiến Tường	-	143.110.129

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	5.892.117	218.152.942
- Shopping Centre Kiến Tường	5.089.117	218.152.942
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	803.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	176.047.215	11.208.944
- Shopping Centre Kiến Tường	176.047.215	11.208.944
Phải trả khác	430.026.089	2.642.493.647
- Shopping Centre Kiến Tường	65.091.456	2.225.055.329
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	364.934.633	417.438.318

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.650.852.963	1.986.485.575
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	192.000.000	192.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay, chi tiết như sau:

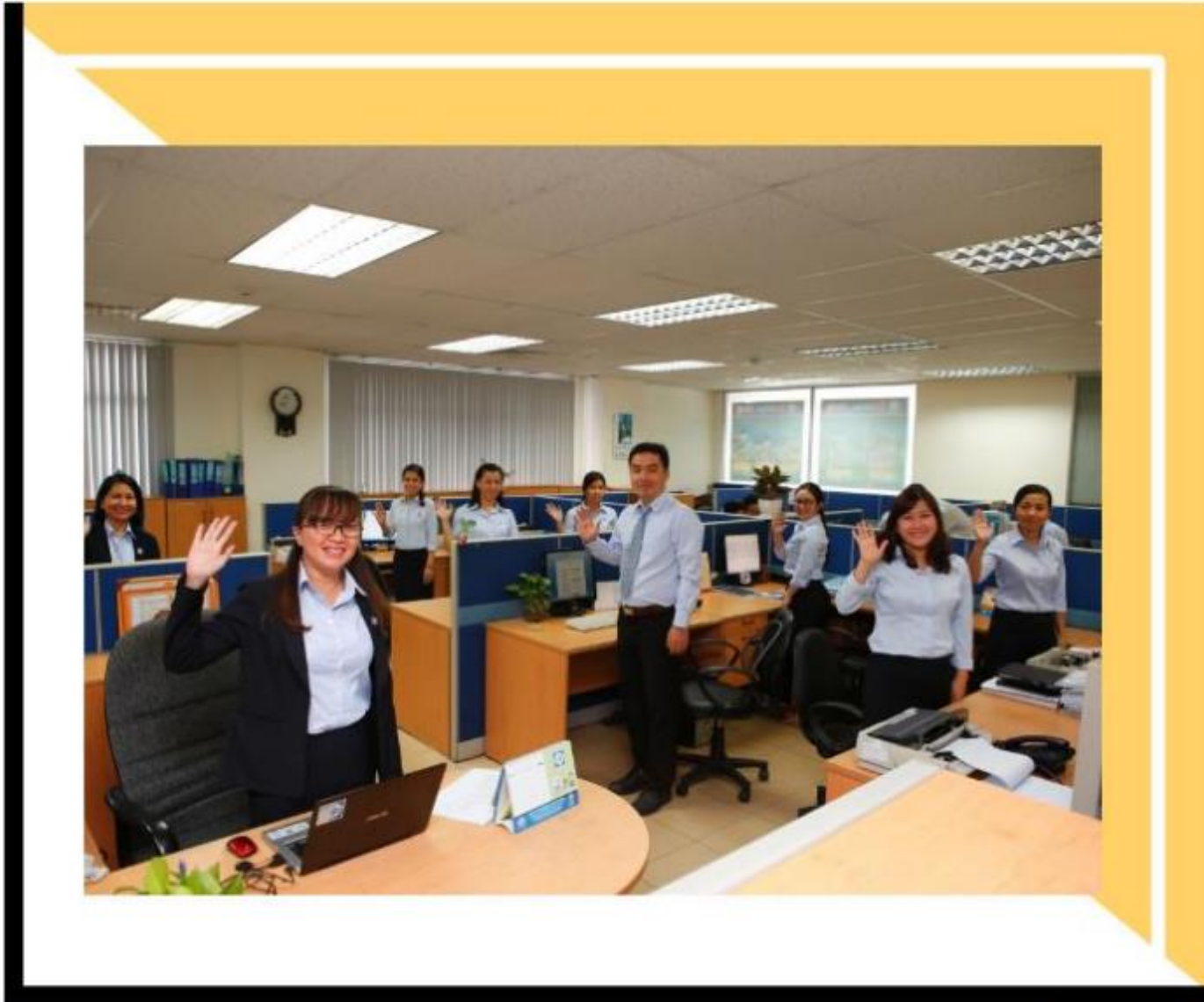
	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	190.221.167.378	188.196.099.178
Tài sản cố định hữu hình	221	32.640.610.824	20.279.022.141
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	1.001.526.796	15.388.183.679
Lợi thế thương mại	269	-	3.311.389.551
Thặng dư vốn cổ phần	412	782.715.818	1.589.597.706
Quỹ đầu tư phát triển	418	34.603.848.249	39.512.727.596
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	57.830.675.895	55.426.304.211
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31.715.648.128	32.129.571.822
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	50.177.059.224	49.763.135.530
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	39.211.647.437	38.797.723.743
c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
Lợi nhuận trước thuế	01	50.177.059.224	49.763.135.530
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.231.372.376	6.645.296.070
d) Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất			
Dự phòng nợ phải thu khó đòi - phải thu ngắn hạn khác	6	(3.411.181.985)	(3.334.767.404)

Bùi Thị Diễm Phúc
Người lập

Bùi Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15... tháng 4 năm 2020

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

THANK YOU!



SINCE 1989

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

Khu phố 1, Đường Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM.

ĐT: (028)38733666 - FAX: (028)38733003

<http://www.spchcmc.vn>



ISO 9001 : 2015



ISO/IEC 17025



ISO 14001 : 2015



DO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN

DOANH NGHIỆP SPC
ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN LIÊN TỤC
TỪ NĂM 2005 ĐẾN NAY